

Số: 122 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý chào bán chứng khoán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAN THO IMPORT EXPORT SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY;

– Trụ sở chính: 2-12, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký



lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020.

– Vốn điều lệ: 150.923.260.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ chín trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

**Điều 2.** Cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được đăng ký chào bán thêm ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số cổ phiếu chào bán: 3.018.464 cổ phiếu (Ba triệu không trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi tư cổ phiếu), trong đó:
  - Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 1.509.232 cổ phiếu;
  - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.509.232 cổ phiếu.
4. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán tính theo mệnh giá: 30.184.640.000 (Ba mươi tỷ một trăm tám mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

**Điều 3.** Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ.

**Điều 4.** Giấy Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Giấy Chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. /: *tu*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Văn Thu**

TY BÀN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG  
KHOÁN RA CÔNG CHỨNG, CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ  
THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO  
GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY  
LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần  
đầu ngày 23 tháng 06 năm 2006, được sửa đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020)

## CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 122/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp  
ngày 12 tháng 2 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /2025 tại:

### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

Tel: (0292) 3841 289

Fax: (0292) 3841 116

Website: <https://caseamex.com>

Email: [caseamex@vnn.vn](mailto:caseamex@vnn.vn)

### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành  
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 6299 2006

Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)

Email: [info@vdsc.com.vn](mailto:info@vdsc.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: VÕ ĐÔNG DỨC – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ-Việt Nam

Tel: (0292) 3841 289

Fax: (0292) 3841 116

Website: <https://caseamex.com>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2006, được sửa đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng phát hành: 3.018.464 cổ phiếu, trong đó:
  - ✓ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.509.232 cổ phiếu
  - ✓ Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 1.509.232 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành: 30.184.640.000 đồng

#### TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Không có

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C – CN CẦN THƠ

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

CTCP CHỨNG KHOÁN RÒNG VIỆT

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84.28) 6299 2006

Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: VŨ ĐỒNG ĐỨC – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Tel: (0292) 3841 289

Fax: (0292) 3841 116

Website: <https://caseamex.com>

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....                                                                                                                                                                                                                                                          | 1  |
| II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2  |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2  |
| 2. Rủi ro về luật pháp.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6  |
| 3. Rủi ro đặc thù.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7  |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8  |
| 5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu .....                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9  |
| III. CÁC KHÁI NIỆM.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 12 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....                                                                                                                                                                                                                                                                               | 13 |
| 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành .....                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 13 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành .....                                                                                                                                                                                                                                                          | 13 |
| 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 15 |
| 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                                                                                                    | 15 |
| 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại ..... | 17 |
| 6. Thông tin về quá trình <u>tăng, giảm vốn điều lệ</u> của Tổ chức phát hành.....                                                                                                                                                                                                                                                 | 18 |
| 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác .....                                                                                                                                                                                                                             | 21 |
| 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành .....                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 21 |
| 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài .....                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 21 |
| 10. Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 22 |
| 11. Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 48 |
| 12. Chính sách cổ tức.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 49 |
| 13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán .....                                                                                                                                                                                                    | 50 |
| 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành .....                                                                                                                                                                                                                                                    | 50 |
| 15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán .....                                                           | 50 |

|             |                                                                                                                                                                                                               |           |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 16.         | Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích ..... | 50        |
| <b>V.</b>   | <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>                                                                                                                             | <b>51</b> |
| 1.          | Kết quả hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                            | 51        |
| 2.          | Tình hình tài chính .....                                                                                                                                                                                     | 53        |
| 3.          | Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành .....                                                                                                                            | 59        |
| 4.          | Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....                                                                                                                                                                  | 59        |
| <b>VI.</b>  | <b>THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....</b>                                                        | <b>62</b> |
| 1.          | Thông tin về cổ đông sáng lập .....                                                                                                                                                                           | 62        |
| 2.          | Thông tin về cổ đông lớn .....                                                                                                                                                                                | 62        |
| 3.          | Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng .....                                                                                             | 64        |
| <b>VII.</b> | <b>THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                                                                                         | <b>80</b> |
| 1.          | Loại cổ phiếu .....                                                                                                                                                                                           | 80        |
| 2.          | Mệnh giá cổ phiếu .....                                                                                                                                                                                       | 80        |
| 3.          | Tổng số lượng cổ phiếu chào bán .....                                                                                                                                                                         | 80        |
| 4.          | Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....                                                                                                                                                             | 80        |
| 5.          | Giá chào bán dự kiến .....                                                                                                                                                                                    | 80        |
| 6.          | Phương pháp tính giá.....                                                                                                                                                                                     | 80        |
| 7.          | Phương thức phân phối.....                                                                                                                                                                                    | 80        |
| 8.          | Đăng ký mua cổ phiếu .....                                                                                                                                                                                    | 83        |
| 9.          | Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....                                                                                                                                                                    | 84        |
| 10.         | Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi) .....                                                                                                                                       | 85        |
| 11.         | Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu .....                                                                                                                                                   | 85        |
| 12.         | Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu .....                                                                                                              | 85        |
| 13.         | Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....                                                                                                                           | 86        |
| 14.         | Hủy bỏ đợt chào bán.....                                                                                                                                                                                      | 86        |
| 15.         | Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....                                                                                                                                                 | 86        |
| 16.         | Các loại thuế có liên quan.....                                                                                                                                                                               | 86        |

|                                                                                        |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 17. Thông tin về các cam kết.....                                                      | 88 |
| 18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....     | 88 |
| VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....                                                          | 88 |
| IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....                               | 88 |
| X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN .....                                        | 89 |
| XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ..... | 90 |
| XII. PHỤ LỤC .....                                                                     | 91 |

**1. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức phát hành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

- |                         |                                     |
|-------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Chí Thảo   | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Võ Đông Đức       | Chức vụ: Tổng Giám đốc              |
| - Ông Nguyễn Khắc Chung | Chức vụ: Kế toán trưởng             |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ chức tư vấn phát hành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

- |                           |                        |
|---------------------------|------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
|---------------------------|------------------------|

Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 09/2023/QĐ-CT.HĐQT ngày 01/08/2023 về việc ủy quyền điều hành hoạt động Công ty cho Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 17/2024/HĐ-NHĐT ngày 21/05/2024 với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ cung cấp.

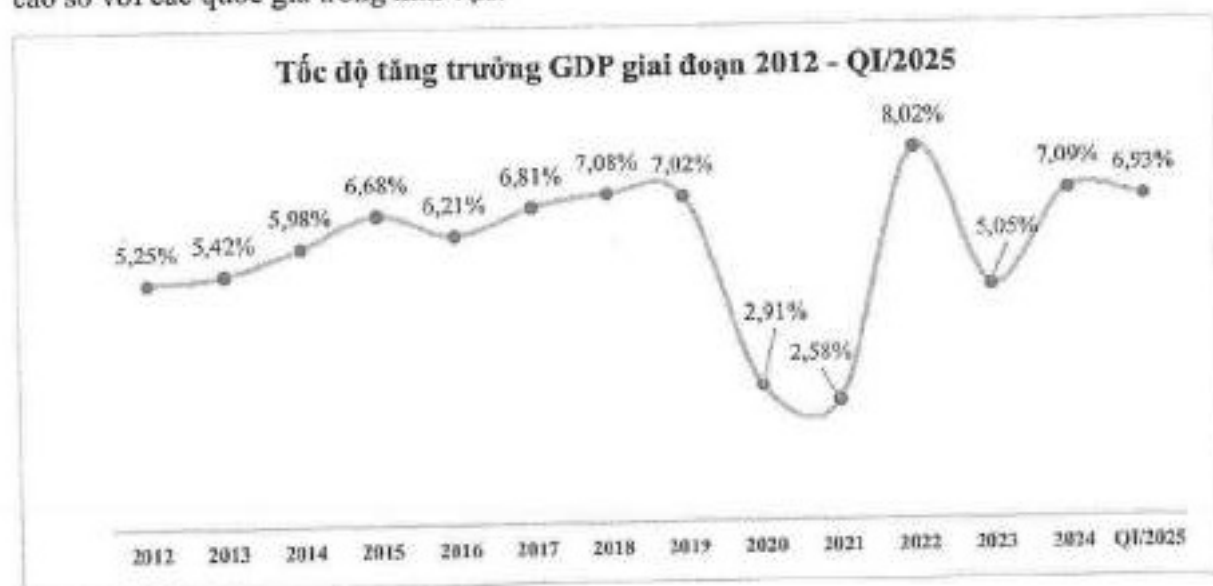
## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia, trong đó tiêu biểu bao gồm các chỉ số về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất và tỷ giá hối đoái. Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới hầu hết các chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Ngoài ra, các chính sách phát triển ngành của Chính phủ cũng sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ nói riêng. Vì vậy, để hạn chế các rủi ro về này, việc phân tích các yếu tố vĩ mô cũng như dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp Công ty đưa ra được các biện pháp khắc phục và phương án chủ động điều chỉnh hoạt động kinh doanh cho phù hợp với tình hình.

#### 1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất, ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế. Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng GDP trong những năm qua ở mức khá cao so với các quốc gia trong khu vực.



*Nguồn: Tổng cục Thống kê, Rừng Việt tổng hợp*

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga - Ukraina diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung Đông đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau dịch Covid-19. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng... Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của nước

ta tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo của Đảng; sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa phương; sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023).

Sang năm 2025, GDP quý I năm 2025 tăng 6,93%, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,42 phần trăm, đóng góp 2,87 điểm phần trăm; Khu vực dịch vụ tăng 7,70%, đóng góp 3,83 điểm phần trăm. Trong đó, hoạt sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt kết quả khá tích cực với mức tăng 3,74%, trong đó sản xuất nông nghiệp tăng 3,53% do cây lâu năm tăng khá, chăn nuôi ổn định (lợn, gia cầm tăng); sản xuất lâm nghiệp tăng 6,76% do diện tích rừng trồng mới và gỗ khai thác tăng, khai thác và nuôi trồng thủy sản tăng 3,98%.

Kết quả này nhờ vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người nông dân như: cho vay ưu đãi với lãi suất thấp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; không ngừng phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản từ các thị trường truyền thống Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU sang các thị trường mới như châu Phi, Hala... Nhờ đó, chất lượng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản của Việt Nam ngày càng được nâng cao và được biết đến ở nhiều nước trên thế giới.

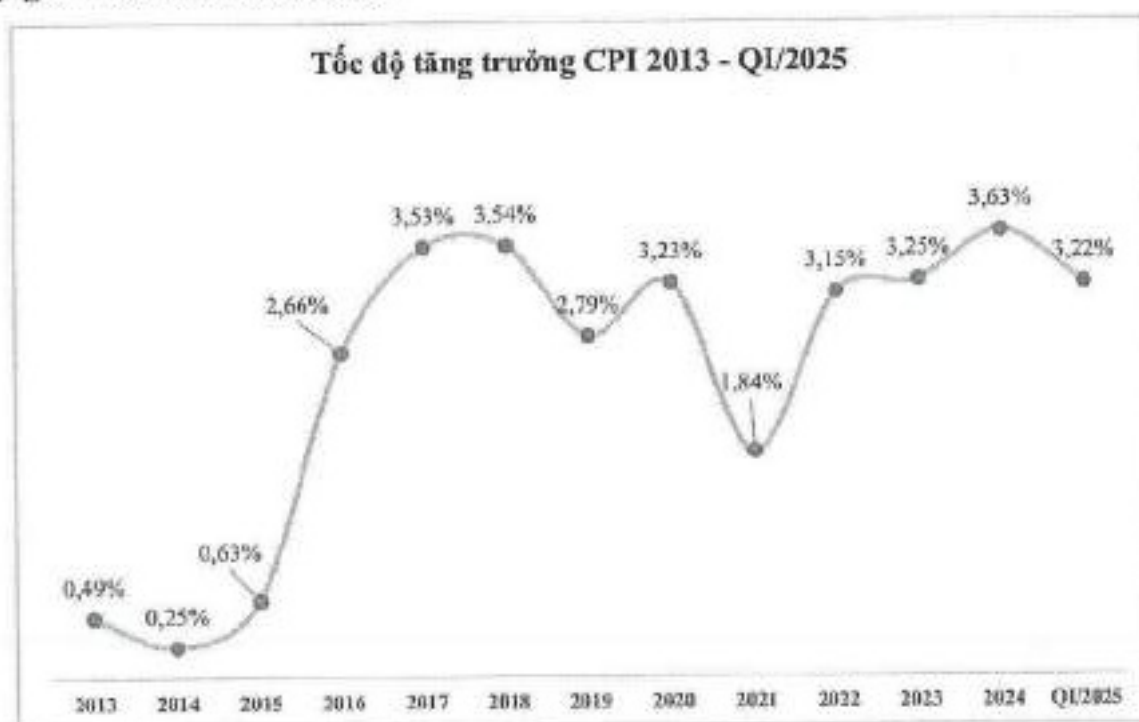
Trước những diễn biến của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban lãnh đạo của CASEAMEX luôn thường xuyên theo dõi, đánh giá, đưa ra những phương án, chiến lược kinh doanh phù hợp để phòng ngừa rủi ro có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty đã định hướng rõ trong việc đa dạng

thị trường xuất khẩu, tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận chuyển, đồng thời tăng cường quản lý tài chính góp phần giúp Công ty đem lại cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, nâng cao thị phần và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Nền kinh tế khi đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước nói chung cũng như cho Công ty nói riêng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động tiêu cực đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là yếu tố tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam, rủi ro lạm phát sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, hoạt động huy động vốn, gây biến động giá trên thị trường và làm ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Caseamex.



*Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ròng Việt tổng hợp*

Bình quân năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,25%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước năm 2023 giảm 11,02% so với năm trước, giá gas giảm 6,94% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023. CPI bình quân năm 2024 tăng so với năm trước do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số địa phương đã tăng mức học phí, tác động làm CPI chung tăng 0,33 điểm phần trăm.
- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá điện sinh

hoạt tăng 7,68% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm; chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,6% do nhu cầu thuê nhà tăng, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt năm 2024 tăng 8,33% so với năm trước.

- Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 12,19%, tác động làm CPI tăng 0,45 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 15,93% theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm.
- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16%, tác động làm CPI chung tăng 0,39 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT từ ngày 17/11/2023 và Thông tư số 21/2024/TT-BYT từ ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.
- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,76%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

Trong quý I/2025, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát như: Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; giám sát bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; tổ chức, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều hành phù hợp. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát. Bình quân quý I/2025, CPI tăng 3,22% so với năm 2024.

### 1.3. Rủi ro về lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Về lãi suất cho vay, theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024 do Tổng cục Thống kê công bố ngày 6/1/2025 cho thấy, mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm trong năm 2024 nhờ Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành và chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay. Tuy nhiên, theo Vụ Dự báo, thống kê cho biết các tổ chức tín dụng dự kiến có thể điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất huy động và cho vay khoảng 0,2-0,3 điểm phần trăm trong năm 2025.

Để hạn chế rủi ro do sự biến động của lãi suất, Công ty luôn có kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn hợp lý, phù hợp với kế hoạch đầu tư và mục tiêu phát triển của Công ty, đảm bảo chi phí tài chính thấp nhất.

#### 1.4. Rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng Euro (EUR). Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Trong quá trình hoạt động, Công ty có phát sinh giao dịch với các khách hàng nước ngoài chủ yếu là các giao dịch ngoại tệ giao ngay để thanh toán tiền hàng. Do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Hiện nay, chính sách điều hành tỷ giá của Ngân hàng nhà nước được điều hành theo hướng chủ động, linh hoạt nhằm kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô mà không tạo ra lợi thế cạnh tranh thương mại không công bằng theo mục tiêu của chính sách tiền tệ đặt ra. Đây được xem là sự thành công của Việt Nam và cũng là một tín hiệu tốt với Caseamex.



*Nguồn: Ngân hàng Nhà nước*

#### 2. Rủi ro về luật pháp

Là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Là một công ty hoạt động trong ngành xuất khẩu dưới hình thức công ty cổ phần, CASEAMEX chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và các văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên môi trường,... Không những thế, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu vào các thị trường như Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á và các nước Trung Đông. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của các chính sách luật và các quy định khác do Chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành. Các quy định chống bán phá giá, yêu cầu về kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc tại các thị trường xuất khẩu chính ngày càng khắt khe khiến cho việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trở nên khó khăn hơn.

Với định hướng cải cách, Chính phủ mỗi quốc gia luôn không ngừng chủ trương điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp từng giai đoạn kinh tế cụ thể đối với các văn bản luật. Do đó, Công ty luôn chủ động cập nhật liên tục và linh hoạt thích nghi đối với những quy định mới có liên quan, để đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì ổn định và phòng tránh các rủi ro về mặt pháp lý. Bên cạnh đó, Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định của pháp luật, hạn chế tối đa các vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín của Công ty cũng như các vấn đề pháp lý liên quan.

Trên cơ sở đó, để hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật đến hoạt động kinh doanh, Công ty đề ra và chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát tư cách pháp lý của các đối tác trước khi ký kết và thực hiện hợp đồng;
- Thẩm định chính xác khả năng thực hiện hợp đồng của đối tác;
- Kiểm tra nhằm đảm bảo các điều khoản của hợp đồng đúng quy định pháp luật, không gây bất lợi cho Công ty;
- Theo dõi thường xuyên để phát hiện kịp thời các tranh chấp về bản quyền, không bị đánh cắp bí mật công nghệ, kiểm soát các tin đồn ảnh hưởng đến uy tín của Công ty;
- Tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ lao động; Công khai, minh bạch các chính sách về lương, thưởng; Đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người lao động;
- Liên tục và kịp thời cập nhật các văn bản pháp lý mới được ban hành; Rà soát, kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các bộ phận để phát hiện các rủi ro pháp lý có thể tồn tại trong quá trình hoạt động.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1. Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy sản, nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng nhất. Vì thế những biến động trong nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là thủy sản khai thác. Đồng thời, chất lượng nguồn nguyên liệu cũng chưa được đáp ứng tốt khiến cho việc xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn. Để giải quyết vấn đề này, Công ty đã đầu tư và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 hecta tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng...có khả năng tự cung tự cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy. Vùng nuôi nguyên liệu cung cấp mỗi năm khoảng từ 45.000-50.000 tấn nguyên liệu mỗi năm. Song tình trạng thiếu hụt nguồn cung ứng và kém chất lượng vẫn có thể xảy ra.

Bên cạnh đó, CASEAMEX cũng đưa ra nhiều biện pháp cải tạo, sàng lọc, mở rộng vùng thu mua nguyên liệu để duy trì tính ổn định, nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào và hạn chế tổn thất từ rủi ro này.

#### 3.2. Rủi ro môi trường

Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thủy sản tại Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết. Các yếu tố về chất lượng nguồn nước, biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán, ngập mặn,

ô nhiễm môi trường đều gây ra rất nhiều khó khăn cho quá trình khai thác thủy sản ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm. Trong thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa, chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp, các tai nạn tràn dầu trên biển, tình trạng phá rừng để xây dựng các đập thủy lợi khiến cho nguồn nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tình hình xâm nhập mặn kéo dài.

Để đối phó với các vấn đề này, CASEAMEX đã triển khai các biện pháp như ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học, xây dựng hệ thống quan trắc để theo dõi nguồn nước, nuôi các loại vi sinh vật có lợi để cải tạo môi trường nước, đồng thời tăng cường năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố có thể xảy ra.

#### 4. Rủi ro của đợt chào bán

##### 4.1. Rủi ro từ đợt chào bán

Trong đợt phát hành này, cổ phần dự kiến được phân phối dành cho cổ đông hiện hữu. Tổng khối lượng phát hành cho cổ đông hiện hữu chiếm 100% của tổng khối lượng cổ phần phát hành thêm. Các cổ đông hiện hữu là những người đã gắn bó và am hiểu tình hình hoạt động của Công ty. Do vậy, khả năng rủi ro phát hành không thành công thấp.

Đối với số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (*Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, hoặc số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu từ chối mua và không được đăng ký mua hết*), tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán, trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty được quyền: (i) Quyết định kết thúc đợt phát hành và báo cáo kết quả phát hành trước khi hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật; hoặc (ii) Quyết định lựa chọn nhà đầu tư (*bao gồm cổ đông của Công ty và/hoặc nhà đầu tư khác có nhu cầu quan tâm mua cổ phiếu phát hành của Công ty, sau đây gọi tắt “Nhà Đầu Tư”*), số lượng Nhà Đầu Tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng Nhà Đầu Tư với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

##### 4.2. Rủi ro từ mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán khoảng 15.092.320.000 đồng (*số tiền thu được từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền*), dự kiến được phân bổ sử dụng cho cho việc bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể là trả nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long:

| STT | Nội dung                                                                                                 | Số tiền (đồng)        | Thời gian thanh toán   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| 1   | Trả nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long | 15.092.320.000        | Dự kiến trong năm 2025 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                         | <b>15.092.320.000</b> |                        |

Tùy thuộc vào số vốn thực tế thu được từ đợt phát hành, trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ cân đối và phân bổ nguồn vốn huy động từ đợt chào bán này để bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh tùy theo nhu cầu vốn thực tế của Công ty (*bao gồm cơ cấu một số khoản nợ vay đến hạn, thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn, ... và các mục*

đích sử dụng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty).

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành này.

## 5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng giá cổ phiếu;
- Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu – EPS;
- Pha loãng giá trị sổ sách cổ phiếu – BVPS;
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

### 5.1. Rủi ro pha loãng giá của cổ phiếu

Giá cổ phiếu CCA sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 10:1) và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua (tỷ lệ 10:1) (trừ trường hợp giá phát hành cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có)). Giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (P_{QM} * I_{QM})}{1 + I_{QM} + I_{CPT}}$$

Trong đó:

- $P_{tc}$  : là giá tham chiếu của cổ phiếu CCA trong ngày giao dịch không hưởng quyền
- $P_{t-1}$  : là giá cổ phiếu CCA phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- $P_{QM}$  : là giá chào bán cổ phiếu CCA cho cổ đông hiện hữu.
- $I_{QM}$  : là tỷ lệ vốn tăng liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- $I_{CPT}$  : là tỷ lệ vốn tăng liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ví dụ:

Giá sử giá cổ phiếu CCA vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 16.000 đồng/cổ phiếu ( $P_{t-1}$ ). Tỷ lệ tăng vốn khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 10% và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua là 10%. Giá chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy giá tham chiếu cổ phiếu CCA tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{tc} = \frac{16.000 + (10.000 * 10\%)}{1 + 10\% + 10\%} = 14.167 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

## 5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

| - Công thức tính:                     | EPS (cơ bản) = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$ |               |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| - Số lượng cổ phần đang lưu hành:     | (1)                                                                                           | 15.092.326    |
| - Số lượng cổ phần phát hành đợt này: | (2)                                                                                           | 3.018.464     |
| - SLCP lưu hành sau khi phát hành:    | (3) = (1)+(2)                                                                                 | 18.110.790    |
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2024:        | (4)                                                                                           | 9.359.075.387 |
| - EPS trước khi phát hành:            | (5) = (4)/(1)                                                                                 | 620           |
| - EPS sau khi phát hành:              | (6) = (4)/(3)                                                                                 | 516           |

## 5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BVPS

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$BVPS = A / (B1 - B2)$$

Trong đó:

- BVPS là giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu;
- A là nguồn vốn chủ sở hữu của Tổ chức phát hành; và
- B là tổng số cổ phiếu đang lưu hành (bằng tổng số cổ phiếu đã phát hành trừ tổng số cổ phiếu quỹ - nếu có).

Theo công thức trên, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Caseamex ngày 31/12/2024 là:

|      | CHI TIẾT                                                    | ĐVT                | GIÁ TRỊ         |
|------|-------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|
| A    | Vốn chủ sở hữu                                              | đồng               | 255.671.079.206 |
| B1   | Tổng số cổ phiếu đã phát hành                               | cổ phiếu           | 15.092.326      |
| B2   | Tổng số cổ phiếu quỹ                                        | cổ phiếu           | 0               |
| BVPS | Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu [BVPS = $A / (B1 - B2)$ ] | đồng /<br>cổ phiếu | 16.940          |

Tại ngày 31/12/2024, giá trị sổ sách cổ phiếu CCA là 16.940 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành (tối đa là 20%) thì giá trị sổ sách của cổ phiếu CCA sẽ giảm.

## 5.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành, nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

## 6. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị công ty là một quá trình giám sát và kiểm soát được thực hiện để bảo đảm cho việc thực thi quản trị kinh doanh phù hợp với lợi ích của những người liên quan, không chỉ là cổ đông mà còn bao gồm cả các nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, môi trường và các cơ quan nhà nước. Rủi ro quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông.

## 7. Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng có thể tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy Ban lãnh đạo của CASEAMEX luôn thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành nhân công một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]*

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

|                                           |                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bản cáo bạch                              | Bản cáo bạch của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.                                                         |
| Cổ phần                                   | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.                                                                                                                                                        |
| Cổ phiếu                                  | Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.                                                                                                            |
| Cổ đông                                   | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.                                                                                                                                            |
| Điều lệ                                   | Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ thông qua. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam. |
| Công ty, CASEAMEX, CCA, Tổ chức phát hành | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.                                                                                                                                                         |
| Tổ chức tư vấn, Ròng Việt                 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ròng Việt                                                                                                                                                                    |
| Tổ chức kiểm toán                         | Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (Baker Tilly A&C) là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ. |

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt:

|        |                                                    |
|--------|----------------------------------------------------|
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                        |
| HNX    | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                    |
| VSDC   | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam |
| ĐHĐCĐ  | Đại hội đồng cổ đông                               |
| HĐQT   | Hội đồng quản trị                                  |
| BKS    | Ban kiểm soát                                      |
| BCTC   | Báo cáo tài chính                                  |
| CTCP   | Công ty Cổ phần                                    |
| TP.HCM | Thành phố Hồ Chí Minh                              |

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

## 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

|                         |                                                                            |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Tên Công ty:            | <b>CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ</b>                                |
| Tên tiếng Anh:          | <b>CAN THO IMPORT-EXPORT SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY</b>                   |
| Tên giao dịch viết tắt: | <b>CASEAMEX</b>                                                            |
| Mã cổ phiếu:            | <b>CCA (Sàn giao dịch UPCOM)</b>                                           |
| Trụ sở chính:           | <b>Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.</b> |
| Số điện thoại:          | <b>(0292) 3841 289</b>                                                     |
| Số fax:                 | <b>(0292) 3841 116</b>                                                     |
| Website:                | <b><a href="https://caseamex.com/">https://caseamex.com/</a></b>           |
| Email:                  | <b><a href="mailto:sales@caseamex.com">sales@caseamex.com</a></b>          |
| Biểu tượng (logo):      |                                                                            |



|                                       |                                                                                                                             |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VĐL đăng ký:                          | <b>150.923.260.000 đồng.</b>                                                                                                |
| VĐL thực góp:                         | <b>150.923.260.000 đồng.</b>                                                                                                |
| Người đại diện pháp luật:             | <b>Ông Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc</b>                                                                                      |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: | <b>Số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/06/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020.</b> |
| Ngành nghề kinh doanh chính:          | <b>Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản – Mã ngành: 1020.</b>                                            |

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) tiền thân là Xi nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ (CATACO) với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến xuất khẩu cá tra đông lạnh.

Quá trình hình thành và phát triển của công ty được tổng hợp như sau:

| Giai đoạn       | Sự kiện tiêu biểu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2006 - 2013     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày 01/07/2006, theo chủ trương của Chính phủ về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, CASEAMEX được tách ra từ CATACO và chuyển đổi sang công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 28 tỷ đồng.</li> <li>Cùng với sự phát triển của sản phẩm cá tra trên thị trường thế giới kết hợp với kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo, CASEAMEX không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng quản lý và quy mô xuất khẩu. Để hỗ trợ cho việc chủ động nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất, Công ty đã đầu tư Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản với tổng diện tích trên 15ha tại Ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (thành lập ngày 14/02/2008) và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150ha tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang,... có khả năng tự cung tự cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy.</li> <li>Tháng 03/2008, Công ty Thành lập Nhà máy chế biến Cafish tại Lô 4, Khu công nghiệp Trà Nóc I chuyên sản xuất chế biến các sản phẩm từ tôm và các mặt hàng thủy sản khác.</li> <li>Ngày 19/03/2010, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán.</li> </ul> |
| 2014 – Hiện nay | <ul style="list-style-type: none"> <li>Sau nhiều năm hoạt động độc lập, Công ty đã trở thành 1 trong 10 doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra, trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.</li> <li>Mặt hàng chủ lực của CASEAMEX là chế biến cá tra, cá basa đông lạnh.</li> <li>Ngày 26/12/2019, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM.</li> <li>Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020 với vốn điều lệ đăng ký là 150.923.260.000 đồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

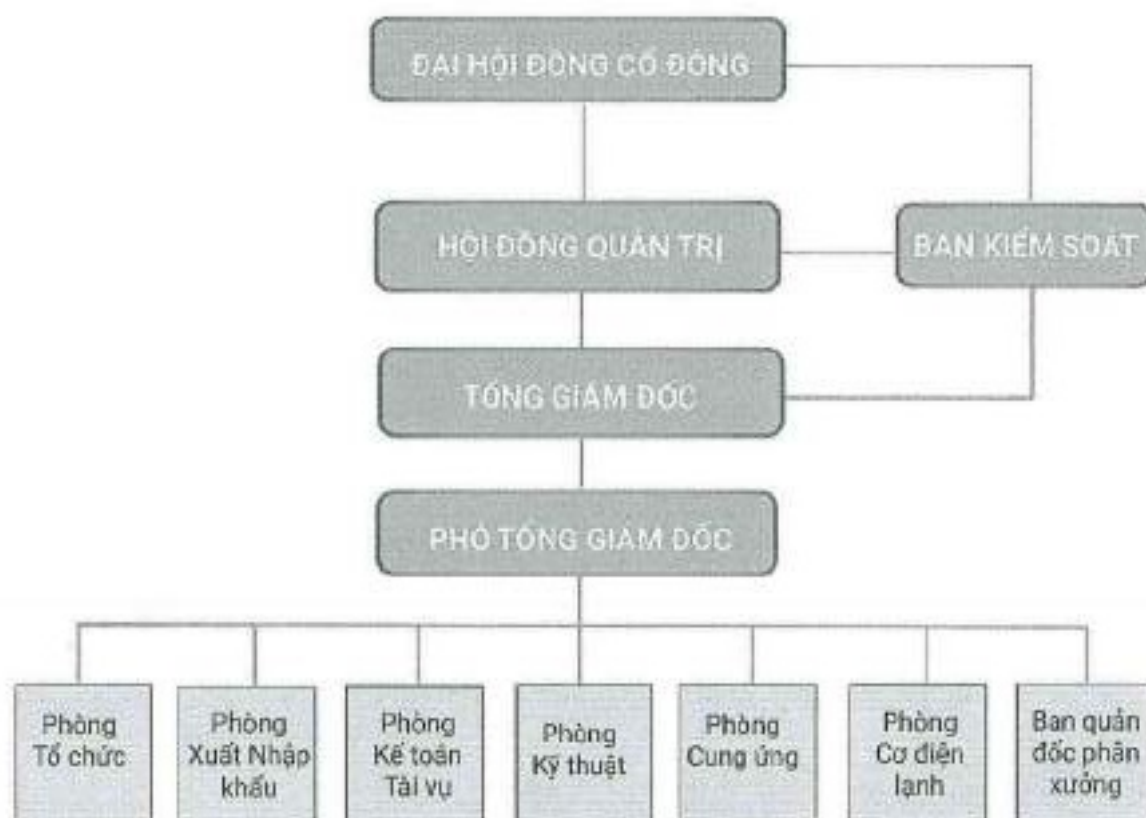
*Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ*

## 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

| STT | Công ty                                                                       | Địa chỉ                                                                                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Trụ sở chính                                                                  | Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.                           |
| 2   | Đơn vị trực thuộc                                                             |                                                                                               |
| -   | Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản                                          | Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.                                 |
| -   | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ - chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi | Thửa đất số 1234, tờ bản đồ số 4, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

## 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

## 4.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông các trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

#### 4.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay có 05 thành viên:

- |                        |                                   |
|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Nguyễn Chí Thảo     | Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc   |
| 2. Võ Đông Đức         | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc   |
| 3. Võ Thị Thúy Nga     | Thành viên HĐQT                   |
| 4. Lê Huỳnh Thanh Trúc | Thành viên HĐQT                   |
| 5. Lê Thành Được       | Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc |

#### 4.3. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc trong công tác điều hành của Tổng Giám đốc, được ủy quyền ký thay khi Tổng Giám đốc vắng mặt và được phân công nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn nhất định.

- |                    |                                   |
|--------------------|-----------------------------------|
| 1. Võ Đông Đức     | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc   |
| 2. Nguyễn Chí Thảo | Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc   |
| 3. Lê Thành Được   | Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Nguyễn Trí Tùng | Phó Tổng Giám đốc                 |
| 5. Phan Hoàng Duy  | Phó Tổng Giám đốc                 |
| 6. Lâm Văn Minh    | Phó Tổng Giám đốc                 |

#### 4.4. Ban Kiểm soát

Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty để báo cáo cho ĐHĐCĐ. Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay có 3 thành viên:

- |                         |                |
|-------------------------|----------------|
| 1. Lý Quốc Tuấn         | Trưởng BKS     |
| 2. Hồ Thị Cẩm Huỳnh     | Thành viên BKS |
| 3. Nguyễn Thị Khánh Vân | Thành viên BKS |

#### 4.5. Các bộ phận chuyên môn

Hiện nay, Công ty có 07 phòng ban chức năng gồm: Phòng Tổ chức, Phòng Xuất nhập khẩu, Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Kỹ thuật vi sinh, Phòng cung ứng, Phòng Cơ điện lạnh và Ban Quản đốc phân xưởng. Theo đó, các phòng ban chức năng của Công ty có trách nhiệm:

- Trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn theo chịu sự chỉ đạo của các Trưởng Phòng ban và Ban Tổng Giám đốc.
  - Thực hiện công tác kinh doanh và hỗ trợ kinh doanh.
  - Thực hiện công tác quản lý và nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban theo quy chế hoạt động của Công ty.
  - Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nội dung công việc theo kế hoạch đề ra.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại Không có.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]*

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

## 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, CASEAMEX đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau (Để làm rõ, từ khi thành lập đến nay, Công ty chưa thực hiện bất kỳ đợt giảm vốn điều lệ nào):

**Bảng thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của CASEAMEX**

| Thời điểm tăng/giảm vốn                                                                                     | Vốn trước khi tăng/giảm (VNĐ) | Giá trị VDI tăng/giảm (VNĐ) | VDI sau khi tăng/giảm (VNĐ) | Hình thức tăng/giảm vốn                                                                                                                                       | Cơ sở pháp lý Đơn vị cấp                                                                                                                                                                                                           | Yêu cầu về kiểm toán (nếu có) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| <b>GIẢI ĐOẠN TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI UBCKNN</b>                                             |                               |                             |                             |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                    |                               |
| Lần 1:<br>03/2007                                                                                           | 28.000.000.000                | 27.160.000.000              | 55.160.000.000              | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 1:0,26 (728.000 CP)<br>Chào bán cổ phiếu cho CDHH (560.000 CP), CBCNV (425.000 CP), cổ đông bên ngoài (1.003.000 CP). | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2006 ngày 26/01/2007.<br>Giấy CN ĐKKD số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 23/01/2009.                                                                          | Không có                      |
| Lần 2:<br>06/2009                                                                                           | 55.160.000.000                | 1.654.800.000               | 56.814.800.000              | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100:3 (165.480 CP)                                                                                                    | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 ngày 18/04/2009.                                                                                                                                                                             | Không có                      |
| <b>GIẢI ĐOẠN SAU KHI ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI UBCKNN (NGÀY 19/03/2010 TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG)</b> |                               |                             |                             |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                    |                               |
| Lần 3:<br>07/2010                                                                                           | 56.814.800.000                | 5.681.480.000               | 62.496.280.000              | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 10:1 (568.148 CP)                                                                                                     | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 ngày 07/05/2010.<br>Thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành của UBCKNN ngày 02/06/2010.<br>Giấy CN ĐKKD số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/08/2010. | Không có                      |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ



| Thời điểm<br>tăng/giảm<br>vốn | VBL trước khi<br>tăng/giảm (VND) | Giá trị VDL<br>tăng/giảm (VND) | VBL sau khi<br>tăng/giảm (VND) | Hình thức tăng/giảm vốn                                                                | Căn cứ pháp lý<br>Đưa ra cấp                                                                                                                                                                                                                                                                               | Yêu cầu<br>việc làm (nếu có) |
|-------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Lần 4:<br>12/2010             | 62.496.280.000                   | 14.503.720.000                 | 77.000.000.000                 | Chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho CBCNV (300.372 CP) và đổi tác chiến lược (1.150.000 CP) | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 63/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/09/2010.<br><br>Thông báo v/v nhận đủ hồ sơ phát hành UBCKNN ngày 26/11/2010.<br><br>Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 12/03/2011.                                                                          | Không có                     |
| Lần 5:<br>10/2011             | 77.000.000.000                   | 3.000.000.000                  | 80.000.000.000                 | Chuyển đổi từ 30.000 trái phiếu sang 300.000 cổ phiếu với tỷ lệ 1:10.                  | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 18/04/2011.<br><br>Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 28/10/2011.                                                                                                                                              | Không có                     |
| Lần 6:<br>08/2012             | 80.000.000.000                   | 19.997.060.000                 | 99.997.060.000                 | Phát hành cổ phiếu trả có tức với tỷ lệ 4:1 (1.999.706 CP).                            | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 16/04/2012.<br><br>Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 60/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/07/2012.<br><br>Thông báo v/v nhận đủ hồ sơ phát hành UBCKNN ngày 07/08/2012.<br><br>Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 26/12/2012. | Không có                     |
| Lần 7:<br>11/2013             | 99.997.060.000                   | 14.996.140.000                 | 114.993.200.000                | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (1.499.614 CP).         | Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 86/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2013.                                                                                                                                                                                                                                           | Không có                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

| Thời điểm<br>(ngày/tháng/<br>năm) | VBL trước khi<br>tăng/giảm (VND) | Giá trị VBL<br>tăng/giảm (VND) | VBL sau khi<br>tăng/giảm (VND) | Hình thức tăng/giảm vốn                                                      | Căn cứ pháp lý<br>Đơn vị cấp                                                                                                                                                                                       | Vấn đề<br>sự kiện toán<br>(nếu có) |
|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|                                   |                                  |                                |                                |                                                                              | Thông báo v/v nhận đủ hồ sơ phát hành UBCKNN ngày 06/11/2013, Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 11/01/2014.                                                      |                                    |
| Lần 8:<br>06/2014                 | 114.993.200.000                  | 5.746.540.000                  | 120.739.740.000                | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (574.654 CP). | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014.<br>Thông báo về nhận đủ hồ sơ phát hành UBCKNN ngày 21/5/2014.<br>Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, thay đổi lần 8 ngày 24/07/2014.   | Không có                           |
| Lần 9:<br>12/2014                 | 120.739.740.000                  | 23.000.000.000                 | 143.739.740.000                | Chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho cổ đông chiến lược (2.300.000 CP).            | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014.<br>Thông báo v/v nhận đủ hồ sơ phát hành UBCKNN ngày 23/12/2014.                                                                                            | Không có                           |
| Lần 10:<br>06/2015                | 143.739.740.000                  | 7.183.520.000                  | 150.923.260.000                | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100:5 (718.352 CP).                  | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 27/04/2015.<br>Thông báo v/v nhận đủ hồ sơ phát hành UBCKNN ngày 25/05/2015.<br>Giấy CN ĐKDN số 1800632306 cấp lần đầu ngày 23/06/2006, thay đổi lần 9 ngày 24/08/2015. | Không có                           |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

**Cơ cấu cổ đông của Công ty ngày 31/12/2024**

| STT              | Cổ đông                                                                                     | Số lượng cổ đông | SLCP sở hữu       | Tỷ lệ          |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------------|
| <b>1</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b>                                                                   | <b>417</b>       | <b>15.033.972</b> | <b>99,61%</b>  |
|                  | - Cá nhân                                                                                   | 416              | 14.803.972        | 98,09%         |
|                  | - Tổ chức                                                                                   | 1                | 230.000           | 1,52%          |
| <b>2</b>         | <b>Cổ đông nước ngoài</b>                                                                   | <b>2</b>         | <b>58.354</b>     | <b>0,39%</b>   |
|                  | - Cá nhân                                                                                   | 2                | 58.354            | 0,39%          |
|                  | - Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | -                | -                 | -              |
| <b>3</b>         | <b>Cổ phiếu quỹ</b>                                                                         | <b>-</b>         | <b>-</b>          | <b>-</b>       |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                             | <b>419</b>       | <b>15.092.326</b> | <b>100,00%</b> |

*Nguồn: Danh sách cổ đông của CASEAMEX tại thời điểm 31/12/2024*

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật (căn cứ Công văn số 3613/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 07/06/2024 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ): 0,00%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại ngày 31/12/2024: 0,39%.

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 10.1.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

##### a. Sản phẩm, dịch vụ chính

Trong nhiều năm liền, Công ty luôn được công nhận là một trong những doanh nghiệp lớn của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản chế biến đông lạnh với mặt hàng chủ lực là cá tra. Công ty chuyên xuất khẩu cá tra sang Mỹ, Trung Quốc, Hồng Kông, EU và Trung Đông,...

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ cá tra của Công ty qua các năm như sau:

| STT | Chỉ tiêu            | ĐVT       | Năm 2023 | Năm 2024 | Quý 1/2025 |
|-----|---------------------|-----------|----------|----------|------------|
| 1   | Kim ngạch xuất khẩu | Triệu USD | 34,38    | 33,57    | 11,02      |
| 2   | Sản lượng sản xuất  | Tấn       | 12.428   | 14.018   | 3.832      |
| 3   | Sản lượng tiêu thụ  | Tấn       | 13.810   | 13.940   | 4.253      |

Nguồn: CASEAMEX

Một số hình ảnh về các mặt hàng nổi bật của công ty:

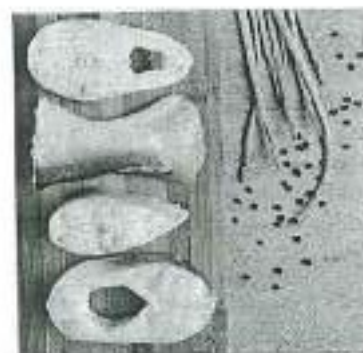
#### Sản phẩm cá tra tiêu chuẩn của CASEAMEX:



Cá tra phi lê

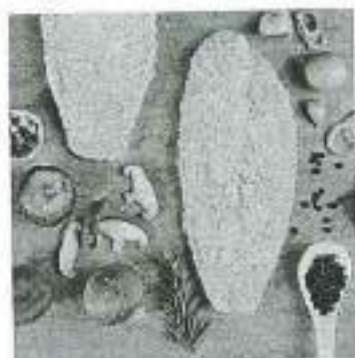


Cá tra cuộn



Cá cắt khoanh

#### Sản phẩm cá tra giá trị gia tăng của CASEAMEX:



Phi lê tẩm bột



Cá tra tẩm bột miếng



Cá tra chiên giòn

**Sản phẩm khác từ cá tra của CASEAMEX:**

Da cá đông lạnh



Bao tử cá



Vây cá đông lạnh

*Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ*

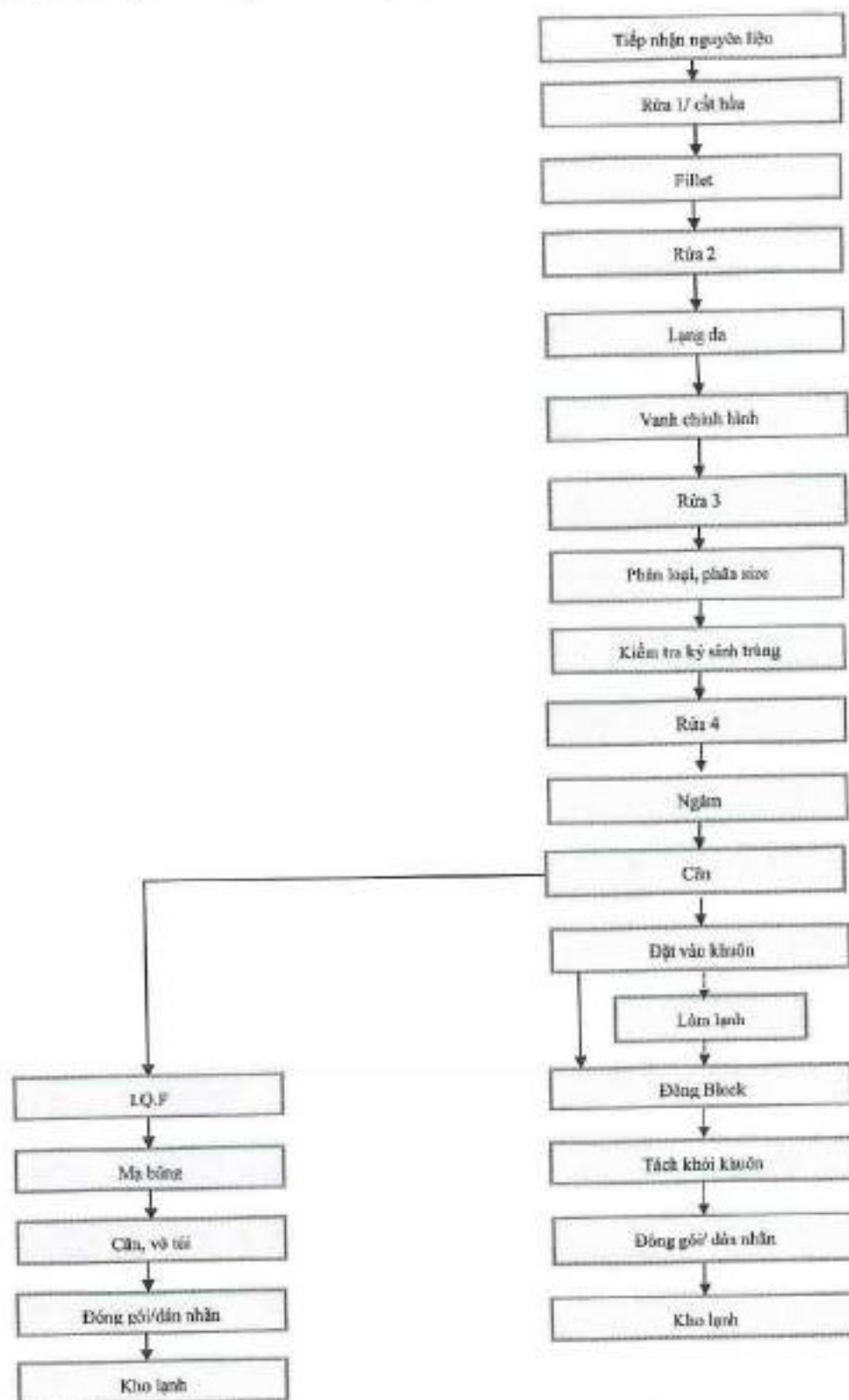
**b. Trình độ công nghệ**

Hiện nay, Caseamex đã chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất khép kín bằng cách đầu tư xây dựng thêm cơ sở hạ tầng như trung tâm giống và dịch vụ thủy sản. Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng, Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại với năng suất trên 25.000 tấn sản phẩm/năm.

Bên cạnh đó, Caseamex luôn tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế SQF 2000 và HACCP. Đạt các chứng nhận ASC, BRC, IFS, BAP, Global GAP và Halal, và áp dụng chương trình SQF 1000 cho việc cung cấp nguồn cá nguyên liệu sạch cho công ty.

*[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]*

Quy trình sản xuất sản phẩm khép kín của Công ty:



Nguồn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

## 10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Không có.

## 10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

## a. Cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2023 – Q1/2025

Bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2023 – Q1/2025

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Doanh thu thuần         | Năm 2023  |        | Năm 2024  |        | Q1/2025 |        |
|-----|-------------------------|-----------|--------|-----------|--------|---------|--------|
|     |                         | Giá trị   | %DTT   | Giá trị   | %DTT   | Giá trị | %DTT   |
| 1   | Bán thành phẩm (cá tra) | 1.168.563 | 94,47% | 1.287.093 | 99,12% | 347.120 | 99,95% |
| 2   | Bán nhà ở xã hội        | 65.232    | 5,27%  | 8.990     | 0,69%  | -       | -      |
| 3   | Cho thuê                | 517       | 0,04%  | 543       | 0,04%  | 174     | 0,05%  |
| 4   | Hoạt động khác          | 2.771     | 0,22%  | 1.853     | 0,14%  | -       | -      |
| (a) | Tổng                    | 1.237.083 | 100%   | 1.298.479 | 100%   | 347.294 | 100%   |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý I/2025 của CASEAMEX

Nhìn chung, năm 2023 và năm 2024 là thời gian khó khăn với ngành thủy sản Việt Nam khi phải đối mặt hàng loạt thách thức như làn sóng lạm phát lan rộng trên toàn thế giới, mức hàng tồn kho tăng cao tại các thị trường nhập khẩu lớn, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm thủy sản giảm mạnh khiến cho hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng. Theo đó, trong năm 2024, doanh thu thuần của CASEAMEX đạt 1.298 tỷ đồng, tăng 4,96% so với năm 2023 (doanh thu thuần năm 2023 đạt hơn 1.237 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu bán thành phẩm (cá tra) là nguồn thu chính của Công ty khi chiếm lần lượt 94,47% và 99,12% doanh thu thuần trong năm 2023 và năm 2024.

Đối với các mảng hoạt động còn lại chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần không đáng kể, cụ thể bao gồm các hoạt động kinh doanh như sau:

- Hoạt động bán nhà ở xã hội: Đây là dự án Nhà ở xã hội Gia Phúc do Công ty làm chủ đầu tư, mục đích dự án nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng như trong Khu công nghiệp và trên địa bàn TP. Cần Thơ. Dự án có diện tích rộng 12.680 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường Nguyễn Chí Thanh, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Về tiến độ thực hiện, Dự án đã hoàn thành bao gồm các Block: A1, A2, B1, B2 và B3 với tổng số căn hộ 430, các căn hộ này đã và đang bán, bàn giao cho khách hàng. Theo đó, Công ty đã bắt đầu ghi nhận doanh thu của Dự án này từ năm 2023.
- Hoạt động cho thuê: Doanh thu hoạt động cho thuê của Công ty chủ yếu là cho thuê mái tole lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái.
- Hoạt động khác: Doanh thu hoạt động khác chủ yếu là doanh thu từ bán phế phẩm, phế liệu,... từ sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là cá tra.

Trong quý 1/2025, doanh thu thuần của Công ty đạt 347,29 tỷ đồng, tăng 18,34% so với quý 1/2024. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính (bán cá tra) chiếm 99,95% doanh thu thuần, còn lại là doanh thu từ mảng cho thuê chiếm 0,05% doanh thu thuần.

**b. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2023 – Q1/2025**

**Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2023 – Q1/2025**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT      | Loại nhuận gộp          | Năm 2023      |             | Năm 2024       |             | Q1/2025       |             |
|----------|-------------------------|---------------|-------------|----------------|-------------|---------------|-------------|
|          |                         | Giá trị       | %LNG        | Giá trị        | %LNG        | Giá trị       | %LNG        |
| 1        | Bán thành phẩm (cá tra) | 92.806        | 96,72%      | 149.826        | 99,79%      | 52.551        | 100%        |
| 2        | Bán nhà ở xã hội        | 3.152         | 3,28%       | 311            | 0,21%       | -             | -           |
| 3        | Cho thuê                | -             | -           | -              | -           | -             | -           |
| 4        | Hoạt động khác          | -             | -           | -              | -           | -             | -           |
| <b>4</b> | <b>Tổng</b>             | <b>95.958</b> | <b>100%</b> | <b>150.137</b> | <b>100%</b> | <b>52.551</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của CASEAMEX*

Nhìn chung, lợi nhuận gộp của Công ty chủ yếu đến từ mảng hoạt động kinh doanh chính là bán cá tra. Biên lợi nhuận gộp (tỷ lệ lợi nhuận gộp /doanh thu thuần) đối với mảng hoạt động kinh doanh cá tra của Công ty trong năm 2023, năm 2024 và quý 1/2025 lần lượt là 7,9%, 11,64% và 15,14%.

Đối với mảng hoạt động bán nhà ở xã hội được Công ty ghi nhận doanh thu trong năm 2023 và năm 2024, biên lợi nhuận gộp đối với mảng hoạt động này của Công ty chỉ duy trì ở mức thấp, lần lượt là 4,83% và 3,46% trong 2 năm 2023 và 2024.

Đối với 2 mảng hoạt động còn lại là cho thuê mái tole lắp đặt điện năng lượng mặt trời và hoạt động khác (bán phế phẩm, phế liệu từ cá tra) có doanh thu bằng giá vốn nên Công ty không ghi nhận lợi nhuận gộp.

**10.2. Tài sản**

**Bảng tổng giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2023**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT      | Danh mục tài sản                               | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Tỷ lệ         |
|----------|------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------|
| <b>I</b> | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>                | <b>255.855</b> | <b>53.264</b>   | <b>20,82%</b> |
| <b>1</b> | <b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>                  | <b>108.627</b> | <b>22.013</b>   | <b>20,26%</b> |
| -        | Lắp đặt và xây dựng kho lạnh 3.300 tấn         | 6.038          | -               | -             |
| -        | Xây dựng văn phòng, hội trường, nhà ăn công ty | 7.401          | 560             | 7,57%         |

| STT       | Danh mục tài sản                                                                                                                                     | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Tỷ lệ         |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------|
| -         | Xây dựng phân xưởng sản xuất                                                                                                                         | 14.955         | 1.976           | 13,22%        |
| -         | Thi công sửa chữa phân xưởng sản xuất                                                                                                                | 8.270          | 2.698           | 32,62%        |
| -         | Thi công hoàn thiện kho lạnh 1.200 tấn                                                                                                               | 3.450          | 1.749           | 50,69%        |
| -         | Thi công nhà để xe công nhân                                                                                                                         | 864            | 425             | 49,27%        |
| -         | Xây dựng nhà kho và sửa chữa ngoại vi Công Ty                                                                                                        | 2.064          | 1.093           | 52,93%        |
| -         | Thi công bờ kè mặt ngoài Sông Hậu                                                                                                                    | 1.845          | 922             | 50,00%        |
| -         | Nhà cửa vật kiến trúc khác                                                                                                                           | 63.740         | 12.589          | 19,75%        |
| <b>2</b>  | <b>Máy móc và thiết bị</b>                                                                                                                           | <b>131.205</b> | <b>25.685</b>   | <b>19,58%</b> |
| -         | Hệ thống dây chuyền sản xuất và hệ thống lạnh cấp đông nhà máy                                                                                       | 39.738         | -               | -             |
| -         | Máy móc thiết bị kho lạnh 3.300 tấn                                                                                                                  | 10.507         | -               | -             |
| -         | Máy phát điện hiệu Cummins                                                                                                                           | 1.323          | -               | -             |
| -         | Hệ thống các thiết bị lạnh                                                                                                                           | 38.852         | 9.689           | 24,94%        |
| -         | Hệ thống chế biến cà tím bột                                                                                                                         | 14.198         | -               | -             |
| -         | Máy móc thiết bị kho lạnh và kệ thép kho 1.200 tấn                                                                                                   | 7.110          | 3.605           | 50,69%        |
| -         | Băng truyền cấp đông phẳng 750Kg/giờ                                                                                                                 | 11.922         | 9.837           | 82,52%        |
| -         | Máy móc thiết bị khác                                                                                                                                | 7.555          | 2.554           | 33,81%        |
| <b>3</b>  | <b>Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn</b>                                                                                                            | <b>12.295</b>  | <b>5.432</b>    | <b>44,18%</b> |
| -         | Xe ô tô 7 chỗ                                                                                                                                        | 5.462          | 3.478           | 63,67%        |
| -         | Xe ô tô 16 chỗ                                                                                                                                       | 345            | 253             | 73,33%        |
| -         | Xe ô tô 29 chỗ                                                                                                                                       | 818            | -               | 0,00%         |
| -         | Xe nâng điện hiệu Yale                                                                                                                               | 2.688          | 1.489           | 55,40%        |
| -         | Phương tiện vận tải khác                                                                                                                             | 2.981          | 212             | 7,10%         |
| <b>4</b>  | <b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>                                                                                                                 | <b>3.729</b>   | <b>134</b>      | <b>3,59%</b>  |
| <b>II</b> | <b>Tài sản cố định vô hình</b>                                                                                                                       | <b>24.989</b>  | <b>17.213</b>   | <b>68,88%</b> |
| <b>1</b>  | <b>Quyền sử dụng đất(*)</b>                                                                                                                          |                |                 |               |
| -         | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số BX 561081 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT03127 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31/10/2014. | 24.922         | 17.213          | 69,07%        |

| STT | Danh mục tài sản                                                                                                                                    | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Tỷ lệ  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|--------|
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số CR 641985 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT70645 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/08/2019 |            |                 |        |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số CR 641986 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT70644 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/08/2019 |            |                 |        |
| 2   | Chương trình phần mềm máy tính                                                                                                                      | 67         | -               | -      |
| -   | Phần mềm kế toán                                                                                                                                    | 67         | -               | -      |
| (a) | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                    | 280.844    | 70.476          | 25,09% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CASEAMEX

**Bảng tổng giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2024**

DVT: Triệu đồng

| STT      | Danh mục tài sản                                               | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Tỷ lệ         |
|----------|----------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------|
| <b>I</b> | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>                                | <b>245.086</b> | <b>45.452</b>   | <b>18,55%</b> |
| <b>1</b> | <b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>                                  | <b>108.769</b> | <b>17.536</b>   | <b>16,12%</b> |
| -        | Lắp đặt và xây dựng kho lạnh 3.300 tấn                         | 6.038          | -               | -             |
| -        | Xây dựng văn phòng, hội trường, nhà ăn công ty                 | 7.401          | 430             | 5,81%         |
| -        | Xây dựng phân xưởng sản xuất                                   | 14.955         | 1.378           | 9,22%         |
| -        | Thi công sửa chữa phân xưởng sản xuất                          | 8.270          | 1.976           | 23,89%        |
| -        | Thi công hoàn thiện kho lạnh 1.200 tấn                         | 3.450          | 1.462           | 42,36%        |
| -        | Thi công nhà để xe công nhân                                   | 864            | 322             | 37,27%        |
| -        | Xây dựng nhà kho và sửa chữa ngoại vi Công Ty                  | 2.064          | 830             | 40,23%        |
| -        | Thi công bờ kè mặt ngoài Sông Hậu                              | 1.845          | 533             | 28,92%        |
| -        | Nhà cửa vật kiến trúc khác                                     | 63.882         | 10.605          | 16,60%        |
| <b>2</b> | <b>Máy móc và thiết bị</b>                                     | <b>120.294</b> | <b>23.099</b>   | <b>19,20%</b> |
| -        | Hệ thống dây chuyền sản xuất và hệ thống lạnh cấp đông nhà máy | 26.525         | -               | -             |
| -        | Máy móc thiết bị kho lạnh 3.300 tấn                            | 10.507         | -               | -             |
| -        | Máy phát điện hiệu Cummins                                     | 1.323          | -               | -             |

| STT | Danh mục tài sản                                                                                                                                     | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Tỷ lệ         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------|
| -   | Hệ thống các thiết bị lạnh                                                                                                                           | 38.852         | 8.135           | 21,94%        |
| -   | Hệ thống chế biến cá tầm bột                                                                                                                         | 14.198         | -               | -             |
| -   | Máy móc thiết bị kho lạnh và kệ thép kho 1.200 tấn                                                                                                   | 7.110          | 3.012           | 42,36%        |
| -   | Băng truyền cấp đông phẳng 750Kg/giờ                                                                                                                 | 11.922         | 8.377           | 70,26%        |
| -   | Máy móc thiết bị khác                                                                                                                                | 9.858          | 3.575           | 36,27%        |
| 3   | <b>Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn</b>                                                                                                            | <b>12.295</b>  | <b>4.716</b>    | <b>38,36%</b> |
| -   | Xe ô tô 7 chỗ                                                                                                                                        | 5.462          | 3.063           | 56,08%        |
| -   | Xe ô tô 16 chỗ                                                                                                                                       | 345            | 196             | 56,67%        |
| -   | Xe ô tô 29 chỗ                                                                                                                                       | 818            | -               | -             |
| -   | Xe nâng điện hiệu Yale                                                                                                                               | 2.688          | 1.265           | 47,06%        |
| -   | Phương tiện vận tải khác                                                                                                                             | 2.981          | 192             | 6,44%         |
| 4   | <b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>                                                                                                                 | <b>3.729</b>   | <b>101</b>      | <b>2,72%</b>  |
| II  | <b>Tài sản cố định vô hình</b>                                                                                                                       | <b>24.989</b>  | <b>16.281</b>   | <b>65,15%</b> |
| 1   | <b>Quyền sử dụng đất</b>                                                                                                                             |                |                 |               |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số BX 561081 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT03127 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31/10/2014. |                |                 |               |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số CR 641985 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT70645 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/08/2019  | 24.922         | 16.281          | 65,33%        |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số CR 641986 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT70644 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/08/2019  |                |                 |               |
| 2   | <b>Chương trình phần mềm máy tính</b>                                                                                                                | <b>67</b>      | <b>-</b>        | <b>-</b>      |
| -   | Phần mềm kế toán                                                                                                                                     | 67             | -               | -             |
| @   | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                     | <b>270.076</b> | <b>61.733</b>   | <b>22,86%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của CASEAMEX

## Bảng tổng giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/03/2025

ĐVT: Triệu đồng

| SIT      | Danh mục tài sản                                               | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | Tỷ lệ         |
|----------|----------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------|
| <b>I</b> | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>                                | <b>227.729</b> | <b>40.088</b>   | <b>17,60%</b> |
| <b>1</b> | <b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>                                  | <b>108.769</b> | <b>16.637</b>   | <b>15,30%</b> |
| -        | Lắp đặt và xây dựng kho lạnh 3.300 tấn                         | 6.038          | -               | 0,00%         |
| -        | Xây dựng văn phòng, hội trường, nhà ăn công ty                 | 7.401          | 397             | 5,37%         |
| -        | Xây dựng phân xưởng sản xuất                                   | 14.955         | 1.246           | 8,33%         |
| -        | Thi công sửa chữa phân xưởng sản xuất                          | 8.270          | 1.821           | 22,01%        |
| -        | Thi công hoàn thiện kho lạnh 1.200 tấn                         | 3.450          | 1.390           | 40,28%        |
| -        | Thi công nhà để xe công nhân                                   | 864            | 296             | 34,27%        |
| -        | Xây dựng nhà kho và sửa chữa ngoại vi Công Ty                  | 2.064          | 765             | 37,05%        |
| -        | Thi công bờ kè mặt ngoài Sông Hậu                              | 1.845          | 441             | 23,92%        |
| -        | Nhà cửa vật kiến trúc khác                                     | 63.882         | 10.281          | 16,09%        |
| <b>2</b> | <b>Máy móc và thiết bị</b>                                     | <b>102.937</b> | <b>18.817</b>   | <b>18,28%</b> |
| -        | Hệ thống dây chuyền sản xuất và hệ thống lạnh cấp đông nhà máy | 26.525         | -               | 0,00%         |
| -        | Máy móc thiết bị kho lạnh 3.300 tấn                            | 10.507         | -               | 0,00%         |
| -        | Máy phát điện hiệu Cummins                                     | 1.323          | -               | 0,00%         |
| -        | Hệ thống các thiết bị lạnh                                     | 20.792         | 4.146           | 19,94%        |
| -        | Hệ thống chế biến cá tầm bột                                   | 14.198         | -               | 0,00%         |
| -        | Máy móc thiết bị kho lạnh và kệ thép kho 1.200 tấn             | 7.110          | 2.864           | 40,28%        |
| -        | Băng truyền cấp đông phẳng 750Kg/giờ                           | 11.922         | 8.011           | 67,20%        |
| -        | Máy móc thiết bị khác                                          | 10.561         | 3.796           | 35,94%        |
| <b>3</b> | <b>Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn</b>                      | <b>12.295</b>  | <b>4.540</b>    | <b>36,92%</b> |
| -        | Xe ô tô 7 chỗ                                                  | 5.462          | 2.967           | 54,32%        |
| -        | Xe ô tô 16 chỗ                                                 | 345            | 181             | 52,50%        |
| -        | Xe ô tô 29 chỗ                                                 | 818            | -               | 0,00%         |
| -        | Xe nâng điện hiệu Yale                                         | 2.688          | 1.209           | 44,98%        |
| -        | Phương tiện vận tải khác                                       | 2.981          | 182             | 6,10%         |

| STT | Ban hành tài sản                                                                                                                                     | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Tỷ lệ  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|--------|
| 4   | Tài sản cố định hữu hình khác                                                                                                                        | 3.729      | 94              | 2,51%  |
| II  | Tài sản cố định vô hình                                                                                                                              | 24.989     | 16.048          | 64,22% |
| 1   | Quyền sử dụng đất                                                                                                                                    |            |                 |        |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số BX 561081 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT03127 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31/10/2014. |            |                 |        |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số CR 641985 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT70645 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/08/2019  | 24.922     | 16.048          | 64,39% |
| -   | Giấy Chứng Nhận QSDĐ QSHN ở và TSKGLVD số CR 641986 - Sổ vào sổ cấp GCN : CT70644 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/08/2019  |            |                 |        |
| 2   | Chương trình phần mềm máy tính                                                                                                                       | 67         | -               | -      |
| -   | Phần mềm kế toán                                                                                                                                     | 67         | -               | -      |
| (t) | TỔNG CỘNG                                                                                                                                            | 252.719    | 56.135          | 22,21% |

Nguồn: BCTC Q1/2025 của CASEAMEX

### 10.3. Thị trường hoạt động

Hiện nay, CASEAMEX đã xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đặc biệt, sản phẩm của Công ty đã có mặt trên kệ hàng của những chuỗi siêu thị lớn nhất Bắc Mỹ và EU. Hiện tại, thị trường chính Công ty nhắm đến bao gồm: Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á, Trung Quốc, Brazil, Mexico và các nước Trung Đông.

#### Bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty theo thị trường hoạt động

DVT: Triệu đồng

| Thị trường | Năm 2023  |        | Năm 2024  |        | Quý 1/2025 |        |
|------------|-----------|--------|-----------|--------|------------|--------|
|            | Giá trị   | %DTT   | Giá trị   | %DTT   | Giá trị    | %DTT   |
| Trong nước | 433.918   | 35,07% | 472.122   | 36,36% | 174        | 0,05%  |
| Nước ngoài | 803.165   | 64,93% | 826.357   | 63,64% | 347.120    | 99,95% |
| Tổng cộng  | 1.237.083 | 100%   | 1.298.479 | 100%   | 347.294    | 100%   |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

**Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo thị trường hoạt động**

ĐVT: Triệu đồng

| Thị trường | Năm 2023 |        | Năm 2024 |        | Quý 1/2025 |      |
|------------|----------|--------|----------|--------|------------|------|
|            | Giá trị  | %LNG   | Giá trị  | %LNG   | Giá trị    | %LNG |
| Trong nước | 3.152    | 3,28%  | 311      | 0,21%  | -          | -    |
| Nước ngoài | 92.806   | 96,72% | 149.826  | 99,79% | 52.551     | 100% |
| Tổng cộng  | 95.958   | 100%   | 150.137  | 100%   | 52.551     | 100% |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

**10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính****10.4.1. Tình hình đầu tư Vùng nguyên liệu**

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là cá tra. Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Công ty đã xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào (khoảng 70-80%) cho quá trình sản xuất (được kiểm tra rất nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn SQF 1000 và HACCP). Số lượng còn lại thu mua từ các hộ nông dân, hợp tác nuôi theo chương trình SQF 1000, SQF 2000,... nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy vừa sạch vừa không nhiễm kháng sinh.

Để đảm bảo chất lượng của nguồn nguyên liệu, bộ phận kỹ thuật của công ty sẽ lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh và kháng sinh trước khi thu hoạch 7 – 10 ngày. Nguyên liệu chỉ được nhận khi kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

Một số nguồn cung cấp đầu vào chính của Công ty như sau:

| Stt | Nguồn cung cấp cá tra  | Sản lượng cá tra (tấn) |          |            |
|-----|------------------------|------------------------|----------|------------|
|     |                        | Năm 2023               | Năm 2024 | Quý 1/2025 |
| 1   | Vùng nuôi              | 21.122                 | 22.477   | -          |
| 2   | Liên kết các trại nuôi | 7.045                  | 11.199   | 6.667      |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

**10.4.2. Tình hình đầu tư máy móc thiết bị****Bảng tình hình đầu tư của Công ty**

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Hạng mục đầu tư                 | Năm 2023 | Năm 2024 | Quý 1/2025 |
|-----|---------------------------------|----------|----------|------------|
| 1   | Nhà cửa, vật kiến trúc          | 865      | 142      | -          |
| 2   | Máy móc thiết bị                | 2.365    | 2.421    | 895        |
| 3   | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 70       | -        | -          |
| a   | Tổng cộng                       | 3.300    | 2.563    | 895        |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của CASEAMEX

## 10.5. Các hợp đồng lớn

Danh sách tổng hợp một số hợp đồng bán ra tiêu biểu

| Số                                                          | Số hợp đồng   | Ngày ký    | Tên Công ty                                | Tên sản phẩm            | Giá trị hợp đồng (USD) | Thời gian thực hiện | Mức quan hệ với người mua hàng (LCA) | Các điều khoản quan trọng khác trong HĐ |
|-------------------------------------------------------------|---------------|------------|--------------------------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>I Một số hợp đồng tiêu biểu thực hiện trong năm 2023</b> |               |            |                                            |                         |                        |                     |                                      |                                         |
| 1                                                           | 261/CSM.2 023 | 28/07/2023 | AJC INTERNATIONAL, INC                     | Cá tra fillet đông lạnh | 705.600                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 2                                                           | 431/CSM.2 023 | 20/10/2023 | AJC INTERNATIONAL, INC                     | Cá tra fillet đông lạnh | 355.000                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 3                                                           | 268/CSM.2 023 | 07/08/2023 | CLAMA GMBH & CO, KG                        | Cá tra fillet đông lạnh | 753.600                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 4                                                           | 081/CSM.2 023 | 28/03/2023 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG           | Cá tra fillet đông lạnh | 357.701                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 5                                                           | 377/CSM.2 022 | 31/10/2022 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG           | Cá tra fillet đông lạnh | 322.000                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 6                                                           | 252/CSM.2 023 | 14/07/2023 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG           | Cá tra fillet đông lạnh | 146.630                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 7                                                           | 357/CSM.2 023 | 19/09/2023 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG           | Cá tra fillet đông lạnh | 280.812                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 8                                                           | 380/CSM.2 022 | 10/11/2022 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG           | Cá tra fillet đông lạnh | 243.583                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 9                                                           | 266/CSM.2 023 | 01/08/2023 | ICEWIND PROD-U, VERTRIEBS GES, MBH & CO.KG | Cá tra fillet đông lạnh | 808.400                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 10                                                          | 276/CSM.2 022 | 05/08/2022 | ICEWIND PROD-U, VERTRIEBS GES, MBH & CO.KG | Cá tra fillet đông lạnh | 984.000                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 11                                                          | 352/CSM.2 022 | 10/10/2022 | NP- USA INC                                | Cá tra fillet đông lạnh | 147.840                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 12                                                          | 387/CSM.2 023 | 07/10/2023 | NP- USA INC                                | Cá tra fillet đông lạnh | 107.415                | 2023                | Không                                | Không                                   |
| 13                                                          | 388/CSM.2 023 | 07/10/2023 | NP- USA INC                                | Cá tra fillet đông lạnh | 107.415                | 2023                | Không                                | Không                                   |

| Số                                                           | Số hợp đồng   | Ngày ký    | Tên khách hàng                   | Thành phẩm              | Giá trị hợp đồng (USD) | Thời gian thực hiện | Mức quản lý với người nội bộ CCA | Các chỉ số quan trọng khác trong HD |
|--------------------------------------------------------------|---------------|------------|----------------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 14                                                           | 412/CSM.2 022 | 16/12/2022 | P.F.C INTERNATIONAL, INC         | Cá tra fillet đông lạnh | 278.720                | 2023                | Không                            | Không                               |
| 15                                                           | 411/CSM.2 022 | 16/12/2022 | P.F.C INTERNATIONAL, INC         | Cá tra fillet đông lạnh | 224.640                | 2023                | Không                            | Không                               |
| 16                                                           | 169/CSM.2 023 | 02/06/2023 | P.F.C INTERNATIONAL, INC         | Cá tra fillet đông lạnh | 153.400                | 2023                | Không                            | Không                               |
| 17                                                           | 046/CSM.2 023 | 17/02/2023 | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED         | Cá tra fillet đông lạnh | 166.400                | 2023                | Không                            | Không                               |
| 18                                                           | 089/CSM.2 023 | 30/03/2023 | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED         | Cá tra fillet đông lạnh | 163.800                | 2023                | Không                            | Không                               |
| 19                                                           | 385/CSM.2 022 | 24/11/2022 | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED         | Cá tra fillet đông lạnh | 155.500                | 2023                | Không                            | Không                               |
|                                                              |               |            |                                  | <b>Tổng cộng</b>        | <b>6.462.456</b>       |                     |                                  |                                     |
| <b>II Một số hợp đồng tiêu biểu thực hiện trong năm 2024</b> |               |            |                                  |                         |                        |                     |                                  |                                     |
| 1                                                            | 431/CSM.2 023 | 20/10/2023 | AJC INTERNATIONAL, INC           | Cá tra fillet đông lạnh | 355.000                | Q1/2024             | Không                            | Không                               |
| 2                                                            | 268/CSM.2 023 | 07/08/2023 | CLAMA GMBH & CO, KG              | Cá tra fillet đông lạnh | 753.600                | Q1/2024             | Không                            | Không                               |
| 3                                                            | 539/CSM.2 023 | 14/12/2023 | DEEP SEA HARVEST LTD             | Cá tra fillet đông lạnh | 67.600                 | Q1/2024             | Không                            | Không                               |
| 4                                                            | 060/CSM.2 024 | 27/02/2024 | ET INTERNATIONAL LIMITED         | Cá tra fillet đông lạnh | 55.200                 | Q1/2024             | Không                            | Không                               |
| 5                                                            | 020/CSM.2 024 | 06/01/2024 | ET INTERNATIONAL LIMITED         | Cá tra fillet đông lạnh | 50.400                 | Q1/2024             | Không                            | Không                               |
| 6                                                            | 357/CSM.2 023 | 19/09/2023 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG | Cá tra fillet đông lạnh | 280.812                | Q1/2024             | Không                            | Không                               |
| 7                                                            | 081/CSM.2 023 | 28/03/2023 | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG | Cá tra fillet đông lạnh | 357.701                | Q1/2024             | Không                            | Không                               |

| Sr | Số hợp đồng   | Ngày ký    | Tên khách hàng                               | Thành phẩm              | Giá trị hợp đồng (USD) | Thời gian thực hiện | Mức quản lý với người đối tác CCA | Các điều khoản quản lý trong Hợp đồng |
|----|---------------|------------|----------------------------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 8  | 266/CSM.2 023 | 01/08/2023 | ICEWIND PROD-U, VERTRIEBS GES, MBH & CO.KG   | Cá tra fillet đông lạnh | 808.400                | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 9  | 554/CSM.2 023 | 20/12/2023 | NP- USA INC                                  | Cá tra fillet đông lạnh | 106.950                | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 10 | 035/CSM.2 024 | 01/02/2024 | NP- USA INC                                  | Cá tra fillet đông lạnh | 74.800                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 11 | 036/CSM.2 024 | 01/02/2024 | NP- USA INC                                  | Cá tra fillet đông lạnh | 74.800                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 12 | 052/CSM.2 024 | 21/02/2024 | NP- USA INC                                  | Cá tra fillet đông lạnh | 64.170                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 13 | 053/CSM.2 024 | 21/02/2024 | NP- USA INC                                  | Cá tra fillet đông lạnh | 64.170                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 14 | 523/CSM.2 023 | 07/12/2023 | PARKER - MIGLIORINI INTERNATIONAL, GMBH      | Cá tra fillet đông lạnh | 66.924                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 15 | 524/CSM.2 023 | 07/12/2023 | PARKER - MIGLIORINI INTERNATIONAL, GMBH      | Cá tra fillet đông lạnh | 66.924                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 16 | 536/CSM.2 023 | 13/12/2023 | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED                     | Cá tra fillet đông lạnh | 67.600                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 17 | 489/CSM.2 023 | 21/11/2023 | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED                     | Cá tra fillet đông lạnh | 51.183                 | Q1/2024             | Không                             | Không                                 |
| 18 | 193/CSM.2 024 | 20/06/2024 | NP - USA INC                                 | Cá tra fillet đông lạnh | 76.800                 | Q2/2024             | Không                             | Không                                 |
| 19 | 037/CSM.2 024 | 07/04/2024 | NP - USA INC                                 | Cá tra fillet đông lạnh | 74.800                 | Q2/2024             | Không                             | Không                                 |
| 20 | 029/CSM.2 024 | 06/05/2024 | ETHNIC FOODS CORP                            | Cá tra fillet đông lạnh | 508.200                | Q2/2024             | Không                             | Không                                 |
| 21 | 063/CSM.2 024 | 08/04/2024 | Icewind Prod.- UND Vertriebsges MBH & CO. KG | Cá tra fillet đông lạnh | 750.000                | Q2/2024             | Không                             | Không                                 |
| 22 | 286/CSM.2 024 | 14/09/2024 | H & T Seafood INC                            | Cá tra fillet đông lạnh | 107.640                | Q3/2024             | Không                             | Không                                 |
| 23 | 029/CSM.2 024 | 06/05/2024 | ETHNIC FOODS CORP                            | Cá tra fillet đông lạnh | 508.200                | Q3/2024             | Không                             | Không                                 |

| STT                                                                 | Số hợp đồng   | Ngày ký    | Tên khách hàng              | Thành phẩm              | Giá trị hợp đồng (USD) | Thời gian thực hiện | Mối quan hệ với người nội bộ CCA | Các điều khoản quan trọng khác trong HDB |
|---------------------------------------------------------------------|---------------|------------|-----------------------------|-------------------------|------------------------|---------------------|----------------------------------|------------------------------------------|
| 24                                                                  | 451/CSM.2 024 | 30/10/2024 | METRO RICHELIEU INC         | Cá tra fillet đông lạnh | 78.508                 | Q4/2024             | Không                            | Không                                    |
| 25                                                                  | 468/CSM.2 024 | 12/11/2024 | NP - USA INC                | Cá tra fillet đông lạnh | 77.355                 | Q4/2024             | Không                            | Không                                    |
| 26                                                                  | 574/CSM.2 024 | 26/12/2024 | NP - USA INC                | Cá tra fillet đông lạnh | 70.224                 | Q4/2024             | Không                            | Không                                    |
|                                                                     |               |            |                             | <b>Tổng cộng</b>        | <b>5.617.961</b>       |                     |                                  |                                          |
| <b>III Một số hợp đồng tiêu biểu thực hiện trong Quý 1 năm 2025</b> |               |            |                             |                         |                        |                     |                                  |                                          |
| 1                                                                   | 058/CSM.2 025 | 10/02/2025 | NP-USA INC.                 | Cá tra fillet đông lạnh | 80.000                 | Q1/2025             | Không                            | Không                                    |
| 2                                                                   | 036/CSM.2 025 | 06/02/2025 | Seven Ocean Asia Limited    | Cá tra fillet đông lạnh | 75.500                 | Q1/2025             | Không                            | Không                                    |
| 3                                                                   | 078/CSM.2 025 | 14/02/2025 | NP-USA INC.                 | Cá tra fillet đông lạnh | 78.800                 | Q1/2025             | Không                            | Không                                    |
| 4                                                                   | 144/CSM.2 025 | 06/03/2025 | Naviam3 SAS Trading Company | Cá tra fillet đông lạnh | 85.800                 | Q1/2025             | Không                            | Không                                    |
|                                                                     |               |            |                             | <b>Tổng cộng</b>        | <b>320.100</b>         |                     |                                  |                                          |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

### Danh sách tổng hợp một số hợp đồng mua vào tiêu biểu

| STT                                                          | Số hợp đồng   | Ngày ký    | Tên nhà cung cấp | Sản phẩm/ Dịch vụ cung cấp | Giá trị hợp đồng (USD/ VND) | Thời gian thực hiện | Mối quan hệ với người nội bộ CCA | Các điều khoản quan trọng khác trong HDB |
|--------------------------------------------------------------|---------------|------------|------------------|----------------------------|-----------------------------|---------------------|----------------------------------|------------------------------------------|
| <b>I Một số hợp đồng tiêu biểu thực hiện trong năm 2023</b>  |               |            |                  |                            |                             |                     |                                  |                                          |
| 1                                                            | 039/HĐKT.2023 | 13/02/2023 | Lý Tiểu Hùng     | Cá tra giống               | 775                         | 2023                | Không                            | Không                                    |
| 2                                                            | 027/HĐKT.2023 | 06/02/2023 | Lý Tiểu Hùng     | Cá tra giống               | 728                         | 2023                | Không                            | Không                                    |
| 3                                                            | 016/HĐKT.2023 | 13/01/2023 | Trương Huỳnh Duy | Cá tra giống               | 1.380                       | 2023                | Không                            | Không                                    |
| 4                                                            | 058/HĐKT.2023 | 23/03/2023 | Trương Huỳnh Duy | Cá tra giống               | 1.213                       | 2023                | Không                            | Không                                    |
| 5                                                            | 037/HĐKT.2023 | 13/02/2023 | Võ Hồng Khanh    | Cá tra giống               | 1.320                       | 2023                | Không                            | Không                                    |
| 6                                                            | 048/HĐKT.2023 | 02/03/2023 | Võ Hồng Khanh    | Cá tra giống               | 1.265                       | 2023                | Không                            | Không                                    |
| 7                                                            | 067/2023/HĐMB | 12/04/2023 | Lê Văn Phóng     | Cá tra nguyên liệu         | 14.250                      | 2023                | Không                            | Không                                    |
|                                                              |               |            |                  | <b>Tổng cộng</b>           | <b>20.932</b>               |                     |                                  |                                          |
| <b>II Một số hợp đồng tiêu biểu thực hiện trong năm 2024</b> |               |            |                  |                            |                             |                     |                                  |                                          |
| 1                                                            | 040/HĐKT.2024 | 24/01/2024 | Võ Hồng Sang     | Cá tra giống               | 943                         | Q1/2024             | Không                            | Không                                    |
| 2                                                            | 032/HĐKT.2024 | 19/01/2024 | Võ Hồng Sang     | Cá tra giống               | 932                         | Q1/2024             | Không                            | Không                                    |

| Sr                                                              | Số hợp đồng         | Ngày ký    | Tên nhà cung cấp        | Sản phẩm Dịch vụ cung cấp | Giá trị hợp đồng (USD) (VNĐ)      | Thời gian thực hiện | Mối quan hệ với người nội bộ C.A.A | Các điểm khác biệt quan trọng khác trong cùng ID |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-------------------------|---------------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 3                                                               | 076/2024/HĐMB       | 25/03/2024 | Trương Văn Dũng         | Cá tra nguyên liệu        | 10.880                            | Q1/2024             | Không                              | Không                                            |
| 4                                                               | 074/2024/HĐMB       | 23/03/2024 | Vô Minh Tấn             | Cá tra nguyên liệu        | 5.984                             | Q1/2024             | Không                              | Không                                            |
| 5                                                               | 082/2024/HĐMB       | 05/04/2024 | Hồ Thái Bích Hoàng      | Cá tra nguyên liệu        | 13.230                            | Q2/2024             | Không                              | Không                                            |
| 6                                                               | 115/2024/HĐMB       | 27/05/2024 | Lê Văn Phăng            | Cá tra nguyên liệu        | 6.775                             | Q2/2024             | Không                              | Không                                            |
| 7                                                               | 169/2024/HĐMB       | 19/08/2024 | Phan Thành Vinh         | Cá tra nguyên liệu        | 4.770                             | Q3/2024             | Không                              | Không                                            |
| 8                                                               | 191/2024/HĐMB       | 01/09/2024 | Trần Thị Soan           | Cá tra nguyên liệu        | 3.975                             | Q3/2024             | Không                              | Không                                            |
| 9                                                               | 220/2024/HĐMB       | 04/12/2024 | Trần Thị Soan           | Cá tra nguyên liệu        | 10.471                            | Q4/2024             | Không                              | Không                                            |
| 10                                                              | 237/2024/HĐMB       | 20/12/2024 | Phan Thành Vinh         | Cá tra nguyên liệu        | 10.188                            | Q4/2024             | Không                              | Không                                            |
|                                                                 |                     |            |                         | <b>Tổng cộng</b>          | <b>68.148</b>                     |                     |                                    |                                                  |
| <b>III Một số hợp đồng tiêu biểu thực hiện trong Quý 1/2025</b> |                     |            |                         |                           |                                   |                     |                                    |                                                  |
| 1                                                               | 02/2025 FT-Caseamex | 10/01/2025 | LABORATORIO FISH & TECH | Phụ gia                   | 34.360 USD<br>(869,308 triệu VNĐ) | Q1/2025             | Không                              | Không                                            |
| 2                                                               | 01/2025 FT-Caseamex | 20/12/2024 | LABORATORIO FISH & TECH | Phụ gia                   | 34.640 USD<br>(876,392 triệu VNĐ) | Q1/2025             | Không                              | Không                                            |
| 3                                                               | 025/2025/HĐMB       | 17/01/2025 | Trần Thị Soan           | Cá tra nguyên liệu        | 8.120                             | Q1/2025             | Không                              | Không                                            |
| 4                                                               | 031/2025/HĐMB       | 23/01/2025 | Phan Thành Vinh         | Cá tra nguyên liệu        | 7.280                             | Q1/2025             | Không                              | Không                                            |
| 5                                                               | 062/2025/HĐMB       | 08/03/2025 | Trần Thị Soan           | Cá tra nguyên liệu        | 6.250                             | Q1/2025             | Không                              | Không                                            |
| 6                                                               | 065/2025/HĐMB       | 20/03/2025 | Phan Thành Vinh         | Cá tra nguyên liệu        | 4.875                             | Q1/2025             | Không                              | Không                                            |
|                                                                 |                     |            |                         | <b>Tổng cộng</b>          | <b>28.270</b>                     |                     |                                    |                                                  |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

## 10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2023-Q1/2025

| STT      | Tên khách hàng, nhà cung cấp lớn          | Sản phẩm, dịch vụ       | Giá trị giao dịch (Triệu VND) | Thời gian giao dịch | Mối quan hệ với người nội bộ |
|----------|-------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------|------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Khách hàng lớn</b>                     |                         |                               |                     |                              |
| 1        | NP- USA INC                               | Cá tra fillet đông lạnh | 348.882                       | 2023                | Không                        |
|          | NP- USA INC                               | Cá tra fillet đông lạnh | 499.497                       | 2024                | Không                        |
|          | NP- USA INC                               | Cá tra fillet đông lạnh | 192.882                       | Q1/2025             | Không                        |
| 2        | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED                  | Cá tra fillet đông lạnh | 76.169                        | 2023                | Không                        |
|          | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED                  | Cá tra fillet đông lạnh | 4.402                         | 2024                | Không                        |
|          | SEVEN OCEAN ASIA LIMITED                  | Cá tra fillet đông lạnh | 1.916                         | Q1/2025             | Không                        |
| 3        | W & T SEAFOOD CORP                        | Cá tra fillet đông lạnh | 15.541                        | 2023                | Không                        |
|          | W & T SEAFOOD CORP                        | Cá tra fillet đông lạnh | 20.339                        | 2024                | Không                        |
|          | W & T SEAFOOD CORP                        | Cá tra fillet đông lạnh | 3.036                         | Q1/2025             | Không                        |
| 4        | MDG SEAFRUIT LTD                          | Cá tra fillet đông lạnh | 21.065                        | 2023                | Không                        |
|          | MDG SEAFRUIT LTD                          | Cá tra fillet đông lạnh | 30.692                        | 2024                | Không                        |
|          | MDG SEAFRUIT LTD                          | Cá tra fillet đông lạnh | 4.574                         | Q1/2025             | Không                        |
| 5        | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG          | Cá tra fillet đông lạnh | 18.037                        | 2023                | Không                        |
|          | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG          | Cá tra fillet đông lạnh | 42.253                        | 2024                | Không                        |
|          | HMF FOOD PRODUCTION GMBH & CO KG          | Cá tra fillet đông lạnh | 3.375                         | Q1/2025             | Không                        |
| 6        | ICEWIND PROD-U, VERTRIEBSGES, MBH & CO.KG | Cá tra fillet đông lạnh | 27.864                        | 2023                | Không                        |
|          | ICEWIND PROD-U, VERTRIEBSGES, MBH & CO.KG | Cá tra fillet đông lạnh | 34.410                        | 2024                | Không                        |
|          | ICEWIND PROD-U, VERTRIEBSGES, MBH & CO.KG | Cá tra fillet đông lạnh | 5.452                         | Q1/2025             | Không                        |
| 7        | P.F.C INTERNATIONAL, INC                  | Cá tra fillet đông lạnh | 20.516                        | 2023                | Không                        |
| 8        | DEEP SEA HARVEST LTD                      | Cá tra fillet đông lạnh | 26.116                        | 2023                | Không                        |

| STT       | Tên khách hàng, nhà cung cấp lớn                                | Sản phẩm, dịch vụ       | Giá trị giao dịch (tỷ USD VND) | Thời gian giao dịch | Mối quan hệ với người nội bộ |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------------------|------------------------------|
|           | DEEP SEA HARVEST LTD                                            | Cá tra fillet đông lạnh | 9.685                          | 2024                | Không                        |
| 9         | PARKER - MIGLIORINI INTERNATIONAL, GMBH                         | Cá tra fillet đông lạnh | 23.847                         | 2023                | Không                        |
|           | PARKER - MIGLIORINI INTERNATIONAL, GMBH                         | Cá tra fillet đông lạnh | 6.765                          | 2024                | Không                        |
| 10        | METRO RICHELIEU INC                                             | Cá tra fillet đông lạnh | 16.725                         | 2023                | Không                        |
|           | METRO RICHELIEU INC                                             | Cá tra fillet đông lạnh | 3.527                          | 2024                | Không                        |
| 11        | Công ty TNHH SXTM XNK Trí Hưng                                  | Sản phẩm phụ cá tra     | 68.701                         | 2023                | Không                        |
| 12        | Công ty TNHH SXTM Nguyệt Trang                                  | Sản phẩm phụ cá tra     | 51.619                         | 2023                | Không                        |
| 13        | Công ty TNHH MTV TM Thủy Sản Thu Thiên Ân                       | Sản phẩm phụ cá tra     | 13.692                         | 2023                | Không                        |
|           | Công ty TNHH MTV TM Thủy Sản Thu Thiên Ân                       | Sản phẩm phụ cá tra     | 12.241                         | 2024                | Không                        |
|           | Công ty TNHH MTV TM Thủy Sản Thu Thiên Ân                       | Sản phẩm phụ cá tra     | 4.048                          | Q1/2025             | Không                        |
| 14        | Công ty TNHH Cát Vàng                                           | Sản phẩm phụ cá tra     | 12.297                         | 2023                | Không                        |
|           | Công ty TNHH Cát Vàng                                           | Sản phẩm phụ cá tra     | 13.626                         | 2024                | Không                        |
|           | Công ty TNHH Cát Vàng                                           | Sản phẩm phụ cá tra     | 4.181                          | Q1/2025             | Không                        |
| 15        | Công ty CP Minh Thắng                                           | Bột cá, mỡ cá           | 65.670                         | 2024                | Không                        |
|           | Công ty CP Minh Thắng                                           | Bột cá, mỡ cá           | 20.842                         | Q1/2025             | Không                        |
| 16        | Công ty TNHH SXTM Trung Hoa                                     | Bột cá, mỡ cá           | 48.670                         | 2024                | Không                        |
|           | Công ty TNHH SXTM Trung Hoa                                     | Bột cá, mỡ cá           | 17.283                         | Q1/2025             | Không                        |
| <b>II</b> | <b>Nhà cung cấp lớn</b>                                         |                         |                                |                     |                              |
| 1         | Công Ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ                               | Thức ăn                 | 301.582                        | 2023                | Không                        |
| 2         | Công Ty CP Việt - Pháp SX Thức Ăn Gia Súc - CN Proconco Cần Thơ | Thức ăn                 | 210.859                        | 2023                | Không                        |
|           | Công Ty CP Việt - Pháp SX Thức Ăn Gia Súc - CN Proconco Cần Thơ | Thức ăn                 | 278.373                        | 2024                | Không                        |
| 3         | Công Ty Cổ Phần GREENFEED Việt Nam                              | Thức ăn                 | 16.872                         | 2023                | Không                        |

| STT | Tên khách hàng, nhà cung cấp lớn             | Sản phẩm, dịch vụ  | Giá trị giao dịch (tỷ USD) | Thời gian giao dịch | Mối quan hệ với người nổi bật |
|-----|----------------------------------------------|--------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------------|
| 4   | Công Ty TNHH DE HEUS - Chi Nhánh Cần Thơ 1   | Thức ăn            | 30.756                     | 2023                | Không                         |
|     | Công Ty TNHH DE HEUS - Chi Nhánh Cần Thơ 1   | Thức ăn            | 12.894                     | 2024                | Không                         |
| 5   | Công Ty TNHH King Group                      | Bao bì             | 10.826                     | 2023                | Không                         |
|     | Công Ty TNHH King Group                      | Bao bì             | 14.676                     | 2024                | Không                         |
|     | Công Ty TNHH King Group                      | Bao bì             | 5.077                      | Q1/2025             | Không                         |
| 6   | Công Ty CP Bao Bì Nhựa So Pha                | Bao bì             | 5.868                      | 2023                | Không                         |
|     | Công Ty CP Bao Bì Nhựa So Pha                | Bao bì             | 4.977                      | 2024                | Không                         |
|     | Công Ty CP Bao Bì Nhựa So Pha                | Bao bì             | 1.378                      | Q1/2025             | Không                         |
| 7   | Trương Huỳnh Duy                             | Cá tra giống       | 19.132                     | 2023                | Không                         |
|     | Trương Huỳnh Duy                             | Cá tra giống       | 1.802                      | 2024                | Không                         |
| 8   | Võ Hồng Khanh                                | Cá tra giống       | 13.867                     | 2023                | Không                         |
| 9   | Võ Hồng Sang                                 | Cá tra giống       | 8.203                      | 2023                | Không                         |
|     | Võ Hồng Sang                                 | Cá tra giống       | 8.543                      | 2024                | Không                         |
| 10  | Lê Văn Phăng                                 | Cá tra nguyên liệu | 24.961                     | 2023                | Không                         |
| 11  | Trương Văn Dũng                              | Cá tra nguyên liệu | 9.977                      | 2024                | Không                         |
| 12  | Phan Thành Vinh                              | Cá tra nguyên liệu | 20.114                     | 2024                | Không                         |
|     | Phan Thành Vinh                              | Cá tra nguyên liệu | 19.006                     | Q1/2025             | Không                         |
| 13  | Trần Thị Soan                                | Cá tra nguyên liệu | 31.395                     | 2024                | Không                         |
|     | Trần Thị Soan                                | Cá tra nguyên liệu | 24.638                     | Q1/2025             | Không                         |
| 14  | Công ty TNHH Tiếp vận Quốc Tế Tân Hoàng Minh | Cước tàu           | 2.671                      | 2023                | Không                         |
|     | Công ty TNHH Tiếp vận Quốc Tế Tân Hoàng Minh | Cước tàu           | 1.273                      | 2024                | Không                         |
| 15  | Công ty TNHH Tiếp Vận Thực                   | Cước tàu           | 3.308                      | 2023                | Không                         |
|     | Công ty TNHH Tiếp Vận Thực                   | Cước tàu           | 1.492                      | 2024                | Không                         |

| STT | Tên khách hàng, nhà cung cấp lớn | Sản phẩm, dịch vụ | Giá trị giao dịch (Triệu VND) | Thời gian giao dịch | Mối quan hệ với người đại lý |
|-----|----------------------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------|------------------------------|
|     | Công ty TNHH Tiếp Vận Thực       | Cước tàu          | 343                           | Q1/2025             | Không                        |
| 16  | LABORATORIO FISH & TECH          | Phụ gia           | 4.989                         | 2023                | Không                        |
|     | LABORATORIO FISH & TECH          | Phụ gia           | 7.067                         | 2024                | Không                        |
|     | LABORATORIO FISH & TECH          | Phụ gia           | 1.745                         | Q1/2025             | Không                        |
| 17  | CROWN INDUSTRY & TRADE CO., LTD  | Phụ gia           | 7.044                         | 2023                | Không                        |
|     | CROWN INDUSTRY & TRADE CO., LTD  | Phụ gia           | 3.019                         | 2024                | Không                        |
| 18  | Công Ty TNHH Hóa Chất Long Diệp  | Thuốc thủy sản    | 3.349                         | 2023                | Không                        |
|     | Công Ty TNHH Hóa Chất Long Diệp  | Thuốc thủy sản    | 4.507                         | 2024                | Không                        |
| 19  | Công ty CP SX&TM Mitsco          | Thuốc thủy sản    | 2.972                         | 2023                | Không                        |
|     | Công ty CP SX&TM Mitsco          | Thuốc thủy sản    | 1.018                         | 2024                | Không                        |
| 20  | Công ty TNHH Song Phú            | Vận chuyển conts  | 6.327                         | 2023                | Không                        |
|     | Công ty TNHH Song Phú            | Vận chuyển conts  | 6.535                         | 2024                | Không                        |
|     | Công ty TNHH Song Phú            | Vận chuyển conts  | 2.164                         | Q1/2025             | Không                        |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

## 10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

### 10.7.1. Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Trong lĩnh vực thủy sản đông lạnh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX), với hơn 18 năm hoạt động trong ngành, đang ngày càng phát triển và khẳng định được vị thế của mình trên thương trường lẫn trong nước và quốc tế. Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Công ty đã cho xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào (khoảng 80%) cho quá trình sản xuất. Ngoài ra, Công ty đã chủ động trong việc thiết lập qui trình sản xuất khép kín bằng cách đầu tư xây dựng thêm cơ sở hạ tầng như trung tâm giống và dịch vụ thủy sản. Hơn nữa, nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng, Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại với năng suất trên 25.000 tấn sản phẩm/năm. Cuối cùng, Công ty luôn tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế HACCP, BRC, IFS, HALAS, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC. Đồng thời, Công ty cũng đang áp dụng chương trình SQF 1000 cho việc cung cấp nguồn cá nguyên liệu sạch cho công ty. Theo

đó, Công ty đã tạo được uy tín trên thị trường trong nước cũng như quốc tế, được châu Âu công nhận hàng đầu tiêu chuẩn xuất vào thị trường châu Âu; Công ty cũng đã liên tục nhiều năm được đánh giá thuộc nhóm 1 về xuất khẩu hàng thủy sản chế biến đông lạnh sang châu Âu. Được công nhận là một trong 10 đơn vị chế biến thủy-hải sản lớn của Việt Nam, hiện nay sản phẩm của Công ty đã có mặt hầu hết các thị trường trên Thế giới.

### 10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

#### ➤ Định hướng phát triển ngành Thủy sản

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Nhằm thực hiện chủ trương “Nuôi trồng và khai thác hải sản: Chuyển từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường” của Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo đó, mục tiêu chung của ngành đến năm 2030 là phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt 3,0 - 4,0%/năm.
- Tổng sản lượng thủy sản sản xuất trong nước đạt 9,8 triệu tấn; trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản 7,0 triệu tấn, sản lượng khai thác thủy sản 2,8 triệu tấn.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 14 - 16 tỷ USD.
- Giải quyết việc làm cho trên 3,5 triệu lao động, có thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tương đương thu nhập bình quân chung lao động cả nước. Xây dựng các làng cá ven biển, đảo thành các cộng đồng dân cư văn minh, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng gắn với xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, tầm nhìn đến năm 2045 như sau “Thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; là trung tâm chế biến thủy sản sâu, thuộc nhóm ba nước sản xuất và xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm; bảo đảm an sinh xã hội, làng cá xanh, sạch, đẹp, văn minh; lao động thủy sản có mức thu nhập ngang bằng mức bình quân chung cả nước; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.”

Về giải pháp cho việc tăng năng suất, giảm giá thành, gia tăng giá trị khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ vào ngành chính là giải pháp then

chất. Theo đó, cần tập trung vào đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư, nâng cấp các nhà máy chế biến thủy sản để tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng chương trình quản lý chất lượng, công nghệ thông tin. Phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao, có hoạt tính sinh học từ nguyên liệu thủy sản và phụ phẩm thủy sản; Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường để giảm thiểu và xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất thủy sản. Có biện pháp quản lý, khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tái chế các phế phụ phẩm từ hoạt động sản xuất thủy sản.

➤ **Triển vọng của ngành thủy sản Việt Nam**

Trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 9 tỷ USD, thấp hơn 18% so với năm 2022. Lạm phát cao, nhu cầu giảm, tồn kho lớn, giá xuất khẩu giảm và những khó khăn, bất cập trong sản xuất kinh doanh trong nước như chi phí đầu vào cho cả chuỗi cung ứng đều tăng, thẻ vàng IUU ảnh hưởng đến xuất khẩu hải sản sang EU... là những nguyên nhân cơ bản tác động đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong năm 2023.

Tuy nhiên, ngành thủy sản đã có những diễn biến tích cực trong những tháng đầu năm 2024. Ước tính chỉ trong tháng 1/2024, xuất khẩu thủy sản đã đạt 730 triệu USD, tăng 680% so với cùng kỳ năm 2023. So mặt bằng tháng 1 mọi năm thì kim ngạch xuất khẩu tháng 1/2024 cao hơn 20 - 25%. Tính đến hết tháng 12/2024, tổng sản lượng thủy sản đạt hơn 9,6 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2023. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản đạt gần 3,86 triệu tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt hơn 5,75 triệu tấn. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước đạt hơn 10 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu cá tra đạt 2 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2023 và đóng góp 20% vào tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam. VASEP nhận định năm 2025 hứa hẹn sẽ là năm xuất khẩu cá tra chinh phục những cột mốc mới khi trong tháng 1/2025, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 774,3 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2024. Cụ thể về triển vọng của ngành thủy sản như sau:

- Lạm phát Mỹ đã hạ nhiệt trong năm 2024, tính đến tháng 12/2024 CPI của Mỹ ở mức 2,9% cách xa mức đỉnh 9,1% năm 2022 và gần sát với mức mục tiêu 2% của FED. Điều này sẽ giúp kích thích nhu cầu tiêu dùng trở lại tại thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam.
- Ngoài ra, nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản đang được hưởng nhiều chính sách ưu đãi. Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu nâng quy mô chương trình tín dụng ưu đãi đối với lĩnh vực lâm sản và thủy sản lên khoảng 50.000 - 60.000 tỉ đồng, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành tiếp cận nguồn vốn với lãi suất ưu đãi. Chính phủ cũng phê duyệt Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030, nhằm bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản, đảm bảo phát triển bền vững ngành thủy sản.

Riêng với ngành cá tra:

- Xuất khẩu cá tra kỳ vọng tăng trở lại nhờ vào việc cá minh thái của Nga (mặt hàng thay thế cho cá tra ở phương Tây) bị áp thuế tại Châu Âu và Mỹ, do các nước này đang áp dụng biện pháp trừng phạt lên Nga thông qua mức thuế xuất khẩu. Từ đầu năm 2024, EU tuyên bố áp dụng mức thuế 13,7% cho tất cả các sản phẩm phile cá minh thái từ Nga và từ nước thứ 3 nhưng có nguồn gốc ở Nga. Từ cuối tháng 12/2023, Mỹ bổ sung lệnh cấm nhập khẩu các sản phẩm thủy sản được chế biến ở quốc gia thứ 3 nhưng có nguồn gốc từ

Nga, điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn cung ở Alaska khi 35% sản lượng hải sản ở đây đều là cá minh thái Nga sơ chế ở Trung Quốc. Ngoài ra, các nhà xuất khẩu cá minh thái khác cũng phải đối diện với mức thuế mới 4-7% cao hơn so với năm ngoài.

- Ngày 17/1/2025, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký Thỏa thuận song phương về việc dỡ bỏ thuế chống bán phá giá đối với cá phi-lê xuất khẩu từ Việt Nam. Đại diện phía Hoa Kỳ là Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR). Thỏa thuận này đánh dấu việc chấm dứt tranh chấp tại vụ việc DS536 tại WTO, giúp mở rộng xuất khẩu một cách ổn định hơn sang thị trường Mỹ với các sản phẩm chất lượng và bền vững.
- Cuối cùng, nhu cầu cá tra đang tăng nhờ lượng tồn kho tại các thị trường chính giảm mạnh. Trong khi đó, nguồn cung nguyên liệu cá tra dự kiến thiếu hụt cục bộ đến hết quý I/2025, đặc biệt là cá size lớn. Sự khan hiếm này có thể giúp các doanh nghiệp nâng giá bán, cải thiện lợi nhuận.

### **10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung của thế giới**

Mục tiêu chung mà ngành thủy sản đặt ra cho đến năm 2030 là tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến thủy sản theo chuỗi giá trị bền vững. Việt Nam sẽ đẩy mạnh và bắt kịp xu hướng phát triển và ứng dụng công nghệ trên thế giới vào nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản. Qua đó giải quyết các vấn đề về năng suất, chất lượng và tính bền vững của ngành. Ngoài ra, hoạt động thương mại quốc tế cũng được chú trọng với mục tiêu tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành.

Như vậy, về cơ bản cho thấy các hoạt động kinh doanh của CASEAMEX trong giai đoạn hiện nay và định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo được xem là hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển, tạo tiền đề cho việc tăng trưởng bền vững và ổn định trong những năm tiếp theo của Công ty, từ đó tiến tới việc khẳng định vị thế và thương hiệu của Công ty trong ngành.

### **10.8. Hoạt động Marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Công ty cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing để chăm sóc khách hàng truyền thống, tiếp cận và thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. CASEAMEX đã xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là sản phẩm đã có mặt trên kệ hàng của những chuỗi siêu thị lớn nhất Bắc Mỹ, EU.

Hàng năm, Công ty thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế chuyên ngành thực phẩm ở các khu vực trong và ngoài nước. Nhờ đó, sản phẩm của Công ty đã từng bước phát triển đối với thị trường trong nước và dần tạo dựng một thương hiệu có uy tín trên thị trường thế giới.

### **10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng:

- ❖ Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- ❖ Tên tiếng Anh: Can Tho Import-Export Seafood Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt: CASEAMEX

❖ Logo Công ty:



#### 10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

CASEAMEX vẫn đang xây dựng và từng bước hoàn thiện chiến lược tăng trưởng mang tính ổn định, đưa ra các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường với sứ mệnh đem lại giá trị thực cho xã hội, tạo ra giá trị thặng dư, bảo vệ được quyền lợi cho cổ đông và người lao động. Song song với việc đó, Công ty vẫn luôn tích cực đẩy mạnh đầu tư, cải tiến máy móc, thiết bị vào quy trình hoạt động để giảm thiểu được chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Nhờ vào nguồn nguyên liệu dồi dào, CASEAMEX có nhiều điều kiện thuận lợi để tập trung nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới bên cạnh việc tập trung vào lược tăng trưởng sản xuất kinh doanh. Điều này giúp đem lại nguồn thực phẩm tươi sạch nhất và đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí của người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, CASEAMEX tập trung duy trì chiến lược xây dựng nền tảng vững chắc, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị ngành, phát triển quy trình sản xuất khép kín để phát triển quy trình sản phẩm. Đặc biệt, Công ty không ngừng nâng cao ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ mới trong hệ thống sản xuất. Song song với việc đó, CASEAMEX tăng cường thực hiện rà soát, đánh giá mức độ hiệu quả của bộ máy quản lý, các chính sách đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật cao để đáp ứng được các tiêu chuẩn trong nền kinh tế hội nhập.

#### 10.11. Chiến lược kinh doanh

##### *Các mục tiêu phát triển bền vững*

Với sứ mệnh đem lại hài hòa lợi ích cho cả khách hàng, cổ đông và người lao động, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ không chỉ tập trung phát triển các chiến lược sản xuất kinh doanh mà còn thường xuyên tổ chức và tham gia vào các hoạt động xã hội. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực cải thiện chính sách lương bổng và phúc lợi để hỗ trợ cho cán bộ nhân viên. Song song với việc này, CASEAMEX cũng rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Công ty luôn đưa ra các chính sách và biện pháp phù hợp để đảm bảo cho phát triển kinh tế hài hòa với bảo vệ môi trường và duy trì môi trường sinh thái tự nhiên. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và tích cực tham gia vào các hoạt động tự thiện để góp phần vào sự phát triển đời sống xã hội của địa phương.

##### *Tổng quan các chiến lược*

- Trong lĩnh vực thủy sản đông lạnh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) đang ngày càng phát triển và khẳng định được vị thế của mình trên thương trường lẫn trong nước và quốc tế. CASEAMEX vẫn đang xây dựng và từng bước hoàn thiện chiến lược tăng trưởng mang tính ổn định, đưa ra các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường với sứ mệnh đem lại giá trị thực cho xã hội, tạo ra giá

trị thặng dư, bảo vệ được quyền lợi cho cổ động và người lao động. Song song với việc đó, Công ty vẫn luôn tích cực đẩy mạnh đầu tư, cải tiến máy móc, thiết bị vào quy trình hoạt động để giảm thiểu được chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành.

- Nhờ vào nguồn nguyên liệu dồi dào, CASEAMEX có nhiều điều kiện thuận lợi để tập trung nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới bên cạnh việc tập trung vào chiến lược tăng trưởng sản xuất kinh doanh. Điều này giúp đem lại nguồn thực phẩm tươi sạch nhất và đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí của người tiêu dùng. CASEAMEX tự hào là thương hiệu hàng đầu về sản phẩm cá tra, là thương hiệu uy tín đối với khách hàng trên thế giới và Công ty luôn có thị trường xuất khẩu đa dạng và ổn định qua nhiều năm.
- Bên cạnh đó, CASEAMEX tập trung duy trì chiến lược xây dựng nền tảng vững chắc, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị ngành, phát triển quy trình sản xuất khép kín để phát triển quy trình sản phẩm. Đặc biệt, Công ty không ngừng nâng cao ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ mới trong hệ thống sản xuất. Song song với việc đó, CASEAMEX tăng cường thực hiện rà soát, đánh giá mức độ hiệu quả của bộ máy quản lý, các chính sách đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật cao để đáp ứng được các tiêu chuẩn trong nền kinh tế hội nhập.

#### Kế hoạch kinh doanh năm 2025

*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu           | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Doanh thu thuần    | 1.298.479          | 1.420.000         |
| Lợi nhuận sau thuế | 9.359              | 15.000            |

*Nguồn: Kế hoạch năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 20/NQ-HĐQT.2025 ngày 21/03/2025 và đang được Công ty đưa vào tài liệu báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2025 về kế hoạch này.*

#### Các giải pháp thực hiện chiến lược

Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu Caseamex ngày càng lớn mạnh, phấn đấu trở thành Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu tại Việt Nam.

- Duy trì mạng lưới khách hàng ổn định, đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng, các nhà nhập khẩu để ngày càng mở rộng quy mô hoạt động cả trong lẫn ngoài nước; Tăng cường xúc tiến thương mại với các nước trên thế giới góp phần nâng cao thị phần và lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Tích cực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, kho và nhà xưởng sản xuất để nâng cao năng suất hoạt động đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
- Từng bước hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị ngành cá bằng cách xây dựng chiến lược phù hợp, tận dụng triệt để tiềm lực của bản thân.
- Xây dựng quy trình đánh giá kiểm tra chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện các chứng nhận HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC,... không ngừng đổi mới quy trình, nâng cao năng suất hoạt động, cải thiện chất lượng

sản phẩm để xây giúp CASEAMEX gia tăng lợi thế của mình trên thị trường quốc tế và ngày càng đem lại lợi ích cho khách hàng, đối tác, xã hội

- Ổn định nguồn vốn kinh doanh, đảm bảo đủ điều kiện để ổn định sản xuất một cách tốt nhất có thể, duy trì lực lượng cán bộ, nhân viên để đáp ứng kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong điều kiện cơ sở thiết bị hiện hữu của Nhà máy, Công ty có thể tìm cơ hội khai thác thêm 1 số sản phẩm phụ phù hợp, thị trường xuất khẩu mà nguyên liệu thế mạnh của Cần Thơ và các Tỉnh lân cận, cần nhắc đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng nếu thuận lợi đầu ra.
- Xem xét lại các chi phí trong sản xuất..., nhằm tìm kiếm giải pháp tốt nhất để giảm giá thành trước áp lực cạnh tranh giá bán của nhiều đơn vị cùng ngành hàng.

**Thời gian dự kiến thực hiện:** Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

**Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến thực hiện kế hoạch:**

- Với nguồn vốn sẵn có của Công ty hiện nay, cộng với số tiền thu được từ đợt chào bán khoảng **15.092.320.000 đồng** (số tiền thu được từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền), dự kiến bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty, nhằm ổn định nguồn vốn, thực hiện và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Caseamex nhận thức được rằng một phần quan trọng trong chiến lược xây dựng tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững thì yếu tố cốt lõi là chất lượng nguồn nhân lực. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và tay nghề đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, các khóa huấn luyện, từ đó tối ưu hóa khả năng phát triển cá nhân, và không ngừng cập nhật kiến thức và kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị để đáp ứng nhanh chóng với sự phát triển của công nghệ. Việc áp dụng khoa học công nghệ mới không chỉ giúp tăng cường hiệu suất làm việc mà còn đảm bảo rằng doanh nghiệp đang đáp ứng được mọi yêu cầu và thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

#### **10.12. Thông tin về đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan**

Công ty luôn đáp ứng các điều kiện kinh doanh của các loại hình kinh doanh đăng ký theo quy định của pháp luật liên quan và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế như:

- Giấy chứng nhận tiêu chuẩn ASC do Hội Đồng Quản Lý Nuôi Trồng Thủy Sản (Aquaculture Stewardship Council) cấp ngày 10/05/2023.
- Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) số A-1179A do Global Food Safety Initiative (GFSI) cấp ngày 03/11/2023.
- Giấy chứng nhận SA 8000 số 44114201282 do TÜV Rheinland cấp ngày 03/09/2023.
- Giấy chứng nhận BRCGS số 2041328 do Hiệp hội Bán lẻ Anh Quốc cấp ngày 20/10/2023.
- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (HACCP) số NAFI6-SS-092 do Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng 6 cấp ngày 10/01/2023.

## 11. Chính sách đối với người lao động

### 11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

**Bảng cơ cấu nhân sự của Công ty**

| Cơ cấu lao động    | 31/12/2023 |        | 31/12/2024 |        | 31/03/2025 |        |
|--------------------|------------|--------|------------|--------|------------|--------|
|                    | Số người   | Tỷ lệ  | Số người   | Tỷ lệ  | Số người   | Tỷ lệ  |
| Trên đại học       | 3          | 0,40%  | 3          | 0,40%  | 3          | 0,38%  |
| Đại học, cao đẳng  | 107        | 14,13% | 115        | 15,35% | 124        | 15,88% |
| Trung cấp          | 54         | 7,13%  | 54         | 7,21%  | 57         | 7,30%  |
| Công nhân kỹ thuật | 19         | 2,51%  | 17         | 2,27%  | 17         | 2,18%  |
| Lao động phổ thông | 574        | 75,83% | 560        | 74,77% | 580        | 74,26% |
| Tổng cộng          | 757        | 100%   | 749        | 100%   | 781        | 100%   |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

### 11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

CASEAMEX nhận thức được rằng một phần quan trọng trong chiến lược xây dựng tăng trưởng ổn định và bền vững thì yếu tố cốt lõi là chất lượng nguồn nhân lực.

#### ✦ Chính sách đào tạo và phát triển

Công ty không chỉ tập trung đầu tư vào các khóa đào tạo chuyên môn mà còn thúc đẩy sự giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa các nhân viên. Các hoạt động này không chỉ nâng cao trình độ mà còn khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong công việc. Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tham gia các khóa huấn luyện, từ đó tối ưu hóa khả năng phát triển cá nhân và tạo cơ hội thăng tiến trong tổ chức.

Đồng thời, CASEAMEX không ngừng cập nhật kiến thức và kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị để đáp ứng nhanh chóng với sự phát triển của công nghệ. Việc áp dụng khoa học công nghệ mới không chỉ giúp tăng cường hiệu suất làm việc mà còn đảm bảo rằng doanh nghiệp đang đáp ứng được mọi yêu cầu và thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

#### ✦ Chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi

CASEAMEX không chỉ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành mà còn tạo ra một hệ thống khuyến khích, động viên nhân viên. Quy chế lương thưởng được xây dựng cụ thể, phản ánh đúng công bằng và xứng đáng với đóng góp của từng cá nhân. Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá năng suất làm việc, tổ chức các đợt khen thưởng để tôn vinh những nhân sự xuất sắc cũng như đề xuất sáng kiến cải tiến, từ đó tạo động lực cho sự nghiệp phát triển bền vững của mọi thành viên trong tổ chức.

## 12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức chính sách phân phối cổ tức theo điều lệ Công ty được quyết định như sau:

- Theo quyết định của Luật Doanh Nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (trên mỗi cổ phiếu) của Công ty được qua các năm như sau:

**Bảng tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty qua các năm**

| Năm  | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức | Tình hình         |
|------|--------------|-----------|-------------------|
| 2022 | 10%          | Tiền mặt  | Đã thực hiện (*)  |
| 2023 | 8%           | Tiền mặt  | Đã thực hiện (**) |

Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

(\*) Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 20/05/2023 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 10% (tương ứng 15,092 tỷ đồng), Công Ty đã thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam: Đợt 1 (tỷ lệ 5%) vào ngày 30/06/2023 (ngày thanh toán cổ tức: 21/07/2023); Đợt 2 (tỷ lệ 5%) vào ngày 15/09/2023 (ngày thanh toán cổ tức: 09/10/2023). Theo đó, Công Ty đã hoàn tất việc trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 10% cho cổ đông trên cơ sở quy mô vốn điều lệ 150.923.260.000 đồng.

(\*\*) Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 25/05/2024 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2023 bằng tiền tỷ lệ 8% (tương ứng 12,073 tỷ đồng), Công Ty đã thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam vào ngày 30/08/2024 (ngày thanh toán cổ tức: 20/09/2024). Theo đó, Công Ty đã hoàn tất việc trả cổ tức năm 2023 bằng tiền tỷ lệ 8% cho cổ đông trên cơ sở quy mô vốn điều lệ 150.923.260.000 đồng.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán

Không có.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức phát hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu                                                 | Năm 2023  | Năm 2024  | % (1/2024)<br>so với 2023 | Quý 1/2025 |
|-----|----------------------------------------------------------|-----------|-----------|---------------------------|------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                                     | 984.306   | 805.780   | (18,14%)                  | 807.691    |
| 2   | Doanh thu thuần                                          | 1.237.084 | 1.298.479 | 4,96%                     | 347.294    |
| 3   | Lợi nhuận thuần từ HĐKD                                  | 4.204     | 9.570     | 127,64%                   | 11.192     |
| 4   | Lợi nhuận khác                                           | 413       | 1.737     | 320,38%                   | (19)       |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế                                     | 4.617     | 11.307    | 144,88%                   | 11.173     |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                                       | 3.713     | 9.359     | 152,07%                   | 9.497      |
| 7   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (số tiền trả cổ tức/LNST năm) | 325,18%   | (*)       | -                         | -          |
| 8   | Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá)                                | 8%        | (*)       | -                         | -          |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCT Quý 1/2025 của Caseamex*

(\*) Hiện Công ty chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 để thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2024.

Kết thúc năm 2024, chỉ tiêu tổng tài sản ghi nhận ở mức 805,78 tỷ đồng, giảm 18,14% so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu thuần năm 2024 ghi nhận ở mức 1.298 tỷ đồng, tăng 4,96% so với cùng kỳ năm 2023 (doanh thu thuần năm 2023 đạt 1.237 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế năm 2024 ghi nhận 9,36 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm 2023 (lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 3,71 tỷ đồng).

Tại thời điểm 31/03/2025, tổng tài sản đạt 807,69 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,24% so với mức cuối năm 2024. Doanh thu thuần quý 1/2025 đạt 347,29 tỷ đồng, tăng 18,34% so với cùng kỳ năm 2024 (doanh thu thuần quý 1/2024 đạt 293,46 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế quý 1/2025 đạt 9,50 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế cùng kỳ quý 1/2024 âm 2,56 tỷ đồng.

#### 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

##### 1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền kề trước năm đăng ký chào bán

#### ❖ Thuận lợi

- Nhờ vào sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ đồng thời tận dụng các ưu đãi của Hiệp định CPTPP và EVFTA, ngành thủy sản đã có những thuận lợi nhất định.
- Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Công ty xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào (khoảng 80%) cho quá trình sản xuất. Hiện nay, Caseamex đã chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất khép kín bằng cách đầu tư xây dựng thêm cơ sở hạ tầng như trung tâm giống và dịch vụ thủy sản. Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng, Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại với năng suất trên 25.000 tấn sản phẩm/năm.
- Công ty xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào khoảng 80% cho quá trình sản xuất. CASEAMEX có thể chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất khép kín và đảm bảo đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định.
- CASEAMEX là một trong 7 Công ty xuất khẩu cá tra của Việt Nam đã được FSIS công nhận đủ điều kiện tương đồng về quy trình nuôi và chế biến cá da trơn với quy trình nuôi cá da trơn của Mỹ.
- CASEAMEX đã có nhà máy công suất lớn có khả năng đáp ứng 100% nhu cầu toàn bộ vùng nuôi để đảm bảo quy trình sản xuất khép kín. Bên cạnh đó Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại để đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng.
- Công ty có hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như ISO 9001, SQP 2000, BRC, IFS, HACCP, GMP, SSOP nên tiết kiệm được thời gian, nguyên liệu đồng thời tăng chất lượng sản phẩm cao. Công ty có cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng và cải tiến liên tục để đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất đã đề ra.

#### ❖ Khó khăn

- Chiến tranh giữa Israel và Hamas có tác động trực tiếp, nếu lan rộng có thể gây chấn động thế giới vì Trung Đông vừa là nguồn cung vừa là tuyến đường vận chuyển năng lượng quan trọng. Điều này không chỉ trực tiếp đe dọa đến nền kinh tế thế giới với giá dầu tăng mạnh mà còn tác động mạnh mẽ đến các chi phí đầu vào tăng nhanh ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận của Công ty.
- Đại dịch COVID-19 và xung đột giữa Nga và Ukraine đã tác động mạnh mẽ lên chuỗi giá trị toàn cầu, giá nhiên liệu không ổn định; chi phí đầu vào tăng vọt, cước vận tải biển tăng gấp nhiều lần, giá vật tư, các mặt hàng phục vụ cho hoạt động khai thác thủy sản cũng tăng theo, chi phí duy trì sản xuất lớn trong khi giá xuất khẩu không tăng nhiều
- Những yêu cầu ngày càng cao về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của các thị trường, thê vàng EC chưa được tháo gỡ. Các quy định mới của Luật Thủy sản 2017 về quản lý khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả, có trách nhiệm đang được triển khai, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần có thời gian để thực hiện,...

- Công ty phải đối mặt với các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, bao gồm sự thiếu hụt nguồn nước cấp cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các hiện tượng mưa lớn, lũ lụt, hạn hán và thời tiết khắc nghiệt khác... Những điều này có thể ảnh hưởng đáng kể năng suất và chất lượng sản phẩm của công ty.
- Cá tra có thể bị nhiễm bệnh và gây ra thiệt hại cho trang trại của CASEAMEX. Công ty phải đầu tư vào các biện pháp phòng chống bệnh tốt nhất để đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng được tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.
- Ngoài các thách thức liên quan đến sản xuất, CASEAMEX cũng phải đối mặt với các khó khăn liên quan đến điều kiện kinh doanh, bao gồm chi phí lao động, giá nguyên liệu đầu vào, pháp lý và quy định chính phủ

### 1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn của Công ty

**Bảng tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty qua các năm**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu         | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/03/2025 |
|-----|------------------|------------|------------|------------|
| 1   | Vốn điều lệ      | 150.923    | 150.923    | 150.923    |
| 2   | Vốn kinh doanh   | 984.306    | 805.780    | 807.691    |
| -   | Vốn chủ sở hữu   | 241.255    | 255.671    | 265.168    |
| -   | Nợ phải trả      | 743.051    | 550.109    | 542.523    |
| 3   | Tổng tài sản     | 984.306    | 805.780    | 807.691    |
| -   | Tài sản ngắn hạn | 908.663    | 721.803    | 729.455    |
| -   | Tài sản dài hạn  | 75.642     | 83.977     | 78.236     |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của Caseamex*

Kể từ năm 2006, Công ty được Sở KH&ĐT tỉnh Cần Thơ cấp Giấy CN ĐKKD số 5703000210 ngày 23/06/2006 với vốn điều lệ là 28.000.000.000 đồng. Đến nay công ty đã thực hiện 10 đợt tăng vốn với vốn điều lệ là 150.923.260.000 đồng.

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh: phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

#### 2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

##### ❖ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC

Thời gian trích khấu hao như sau:

| Loại tài sản                    | Thời gian khấu hao (năm) |
|---------------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc        | 05 – 25                  |
| Máy móc và thiết bị             | 05 – 20                  |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 – 15                  |
| Tài sản cố định khác            | 04 - 08                  |

#### ❖ Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi và lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ

các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 2.1.3. Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động của Công ty năm 2023 là 9,8 triệu đồng/người/tháng, năm 2024 là 9,3 triệu đồng/người/tháng và quý 1/2025 là 8,6 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập ổn định so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

### 2.1.4. Tình hình công nợ

**Bảng tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả của Công ty qua các năm**

*DVT: Triệu đồng*

| STT       | Chi tiêu                     | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 31/03/2025     |
|-----------|------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản nợ phải thu</b> | <b>277.497</b> | <b>360.078</b> | <b>397.691</b> |
| 1         | Phải thu ngắn hạn            | 277.497        | 360.078        | 397.691        |
| 2         | Phải thu dài hạn             | -              | -              | -              |
| <b>II</b> | <b>Các khoản nợ phải trả</b> | <b>743.051</b> | <b>550.109</b> | <b>542.523</b> |
| 1         | Nợ ngắn hạn                  | 743.051        | 550.109        | 542.523        |
| 2         | Nợ dài hạn                   | -              | -              | -              |
| @         | Tổng cộng                    | 1.020.547      | 910.187        | 940.214        |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của Caseamex*

### 2.1.5. Các khoản phải thu

**Bảng chi tiết các khoản phải thu của Công ty qua các năm**

*DVT: Triệu đồng*

| STT       | Chi tiêu                         | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 31/03/2025     |
|-----------|----------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Phải thu ngắn hạn</b>         | <b>277.497</b> | <b>360.078</b> | <b>397.691</b> |
| 1         | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 271.013        | 317.778        | 350.579        |
| 2         | Trả trước cho người bán          | 3.145          | 39.242         | 40.890         |
| 3         | Phải thu ngắn hạn khác           | 3.338          | 3.058          | 6.222          |
| <b>II</b> | <b>Phải thu dài hạn</b>          | <b>-</b>       | <b>-</b>       | <b>-</b>       |
| @         | Tổng cộng                        | 277.497        | 360.078        | 397.691        |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của Caseamex*

Tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/03/2025, Công ty không có khoản phải thu quá hạn.

**2.1.6. Các khoản phải trả****a. Chi tiết các khoản phải trả****Bảng chi tiết các khoản phải trả của Công ty qua các năm***DVT: Triệu đồng*

| STT        | Chi tiêu                            | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 31/03/2025     |
|------------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>743.051</b> | <b>550.109</b> | <b>542.523</b> |
| 1          | Phải trả người bán ngắn hạn         | 181.361        | 46.393         | 64.603         |
| 2          | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 53.310         | 53.088         | 51.828         |
| 3          | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 792            | 2.272          | 1.712          |
| 4          | Phải trả người lao động             | 19.567         | 16.293         | 12.878         |
| 5          | Chi phí phải trả ngắn hạn           | 12.513         | 4.320          | 4.965          |
| 6          | Phải trả ngắn hạn khác              | 54.706         | 29.285         | 29.594         |
| 7          | Vay ngắn hạn                        | 414.342        | 397.409        | 375.892        |
| 8          | Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 6.460          | 1.050          | 1.049          |
| <b>(t)</b> | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>743.051</b> | <b>550.109</b> | <b>542.523</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của Caseamex***b. Tổng dư nợ vay của Công ty****Bảng dư nợ của Công ty qua các năm***DVT: Triệu đồng*

| STT        | Chi tiêu                                                                                            | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 31/03/2025     |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Vay ngắn hạn</b>                                                                                 | <b>414.342</b> | <b>397.409</b> | <b>375.892</b> |
| 1          | Vay ngân hàng                                                                                       | 414.342        | 397.409        | 375.892        |
| -          | Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long <sup>(1)</sup> | 359.962        | 311.209        | 285.040        |
| -          | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ <sup>(2)</sup>                                  | 54.380         | 86.200         | 90.852         |
| <b>II</b>  | <b>Vay dài hạn</b>                                                                                  | <b>-</b>       | <b>-</b>       | <b>-</b>       |
| <b>(t)</b> | <b>Tổng cộng</b>                                                                                    | <b>414.342</b> | <b>397.409</b> | <b>375.891</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của Caseamex*

**Chi tiết các khoản vay:**

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và quyền sử dụng đất.

**2.1.7. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

**2.1.8. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2023, ngày 31/12/2024 và ngày 31/03/2025 như sau:

**Bảng các khoản phải nộp theo luật định của Công ty qua các năm***ĐVT: Triệu đồng*

| STT       | Chi tiêu                   | 31/12/2023 | 31/12/2024   | 31/03/2025   |
|-----------|----------------------------|------------|--------------|--------------|
| 1         | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 83         | 1.708        | 1.629        |
| 2         | Thuế thu nhập cá nhân      | 702        | 562          | 79           |
| 3         | Thuế tài nguyên            | 7          | 2            | 4            |
| <i>α.</i> | <b>Tổng cộng</b>           | <b>792</b> | <b>2.272</b> | <b>1.712</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của Caseamex***2.1.9. Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

**Số dư trích lập các quỹ theo luật định của Công ty qua các năm***ĐVT: Triệu đồng*

| STT       | Chi tiêu                  | 31/12/2023   | 31/12/2024   | 31/03/2025   |
|-----------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|
| 1         | Quỹ đầu tư phát triển     | 2.508        | 2.508        | 2.508        |
| 2         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6.460        | 1.050        | 1.050        |
| <i>α.</i> | <b>Tổng cộng</b>          | <b>8.968</b> | <b>3.558</b> | <b>3.558</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 1/2025 của CASEAMEX*

**2.1.10. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Không có.

**2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty qua các năm**

| Các chỉ tiêu                                                                                  | ĐVT  | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                                     |      |          |          |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br><i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>                           | Lần  | 1,22     | 1,31     |
| - Hệ số thanh toán nhanh:<br><i>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>             | Lần  | 0,57     | 0,92     |
| <b>2. Cơ cấu vốn</b>                                                                          |      |          |          |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                                       | Lần  | 0,75     | 0,68     |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                                     | Lần  | 3,08     | 2,15     |
| <b>3. Năng lực hoạt động</b>                                                                  |      |          |          |
| - Vòng quay tổng tài sản:<br><i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>                    | Vòng | 1,24     | 1,45     |
| - Vòng quay vốn lưu động:<br><i>Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân</i>                | Vòng | 1,44     | 1,59     |
| - Vòng quay hàng tồn kho:<br><i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>                   | Vòng | 2,45     | 3,26     |
| <b>4. Khả năng sinh lời</b>                                                                   |      |          |          |
| - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):<br><i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>        | %    | 0,30     | 0,72     |
| - Hệ số LNST trên vốn kinh doanh (ROA):<br><i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>   | %    | 0,37     | 1,05     |
| - Hệ số LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE):<br><i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i> | %    | 1,51     | 3,77     |
| - Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)                                                             | Đồng | 243      | 575      |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2023, năm 2024 của Caseamex*

### 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 và năm 2024 theo đó:

#### ➤ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 số 4.0182/24/TC-AC ngày 29/03/2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### ➤ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 số 4.0124/25/TC-AC ngày 24/03/2025:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

#### 4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

##### Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

DVT: Triệu đồng

| Chi tiêu                  | Năm 2024  | Năm 2025  |                   |
|---------------------------|-----------|-----------|-------------------|
|                           | Thực hiện | Kế hoạch  | % KH2025 / TH2024 |
| Doanh thu thuần           | 1.298.479 | 1.420.000 | 109,36%           |
| Lợi nhuận sau thuế        | 9.359     | 15.000    | 160,27%           |
| Tỷ lệ LNST/DTT            | 0,72%     | 1,06%     | -                 |
| Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân | 3,77%     | (*)       | -                 |
| Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá) | (**)      | (**)      | -                 |

Nguồn: Kế hoạch năm 2025 được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 20/NQ.HQĐT.2025 ngày 21/03/2025 và đang được Công ty đưa vào tài liệu báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2025 về kế hoạch này.

(\*) Giá trị vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 tùy thuộc vào kết quả lợi nhuận phát hành cổ phiếu trong năm 2025 của Công ty và kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty. Do đó, Công ty chưa có đủ cơ sở để tính tỷ lệ này.

(\*\*) Mức tỷ lệ cổ tức năm 2024 và tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2025 đang được Hội đồng Quản trị Công ty xem xét để báo cáo và trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

#### 4.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

##### ❖ Giải pháp về phát triển kinh doanh

- Duy trì điều kiện sản xuất hiện có của nhà xưởng và hoàn thiện nhà xưởng kho trữ hàng hóa đáp ứng và đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn sản xuất và chất lượng hàng hóa tốt nhất.
- Nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu đơn hàng của những nhà nhập khẩu lớn. Tìm kiếm thêm thị trường lớn, thị trường tiềm năng để đưa sản phẩm đến các siêu thị, nhà hàng và các cửa hàng thức ăn nhanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, định mức chế biến, tăng năng suất, giảm giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nhân cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.
- Đảm bảo uy tín chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng cũng như tiến độ giao hàng.
- Giữ vững và từng bước nâng cao doanh số, nâng cao thị phần và mở rộng thị trường trong nước, nâng cao vị thế của Công ty trong ngành chế biến thủy sản.
- Hoàn thiện các tiêu chuẩn đã đạt được và cập nhật xây dựng các tiêu chuẩn mới nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn để sản phẩm có thể vào tất cả các thị trường trên thế giới, quan trọng nhất là đáp ứng điều kiện tương đương theo luật Farm Bill của Mỹ.
- Phân đầu đạt và vượt kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

##### ❖ Giải pháp về sản xuất

- Tập trung nguồn lực về vốn và nhân sự để đầu tư trọng điểm cho các vùng nuôi nhằm đảm bảo đầy đủ, kịp thời nhu cầu cá nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đảm bảo đạt chất lượng cá tốt cho xuất khẩu, đáp ứng đúng về size cỡ, phục vụ đủ tổng sản lượng nguyên liệu sản xuất theo kế hoạch đã đề ra.
- Quan tâm thường xuyên nghiên cứu tìm hiểu về quy trình, công nghệ sản xuất chế biến nhằm kịp thời cải tiến, thay thế để đem lại hiệu quả sản xuất tốt nhất, sản phẩm đạt chất lượng cao nhất, yêu cầu định mức chế biến ổn định.
- Tuân thủ và duy trì hệ thống quản lý chất lượng HACCP, BRC, IFS, HALAS, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC.
- Phân đầu đạt và vượt kế hoạch sản lượng sản xuất đã đề ra.

##### ❖ Giải pháp về tiếp thị

- Quảng bá thương hiệu để khách hàng nhận diện sự khác biệt của chất lượng sản phẩm CASEAMEX. Tạo hình ảnh tốt trong hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản mang tính chất ổn định, bền vững, thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa thị trường, mở rộng các thị trường mới như: Trung Đông, Trung Quốc,...
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng các nước, các nhà nhập khẩu để có chính sách điều chỉnh và nâng cao mẫu mã chất lượng hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Chủ động tổ chức và tham gia các chiến dịch truyền thông bảo vệ hình ảnh cá tra Việt Nam.

- Thường xuyên tham gia khảo sát thị trường, các hội chợ triển lãm quốc tế chuyên ngành, các hội thảo diễn đàn doanh nghiệp do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức để tìm khách hàng tin cậy và tìm kiếm cơ hội tiêu thụ hàng hóa.

#### ❖ Giải pháp về nuôi trồng

- Tiếp tục xem xét quy hoạch lại vùng nuôi, phát triển và hoàn thiện các tiêu chuẩn phù hợp cho các vùng nuôi của Công ty phấn đấu đạt sản lượng từ 17.000 đến 20.000 tấn nguyên liệu/năm. Liên doanh liên kết các trại nuôi vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ 100% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động.
- Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, có kế hoạch thay thế bổ sung đàn cá bố mẹ để tạo đủ số lượng con giống có chất lượng tốt và sạch bệnh. Đẩy mạnh hợp tác, đầu tư cải tiến chất lượng giống để có con giống tốt và sạch bệnh. Liên kết các công ty giống tạo nguồn giống đạt tiêu chuẩn chất lượng, đủ cung cấp cho các trại nuôi cùng như góp phần cung cấp con giống cho khu vực.
- Phối hợp với các nhà cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc thủy sản trong việc kiểm tra kiểm soát chất lượng thức ăn và chất lượng thuốc thủy sản nhằm đảm bảo thời gian nuôi, định mức thức ăn, đạt mức tăng trọng tốt cho tất cả các vùng nuôi.
- Liên doanh liên kết các trại nuôi, vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ 100% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động.

#### ❖ Giải pháp về vốn

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, duy trì tình hình tài chính lành mạnh ổn định, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích đạt hiệu quả cao. Tranh thủ các nguồn vốn vay ngắn hạn, trung và dài hạn của ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh và dự trữ hàng nhằm đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.
- Có kế hoạch kiểm tra đôn đốc, thu hồi công nợ, nhằm tạo thuận lợi sử dụng vòng quay vốn nhanh và hiệu quả.
- Tăng cường công tác đầu tư vốn và hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ, trang trại nuôi trồng thủy sản để có nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, kiểm soát được nguồn gốc chất lượng nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, xuất khẩu.
- Tìm cơ hội kêu gọi đầu tư, góp vốn, huy động vốn, tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng đủ nguồn lực về vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tăng trưởng của Công ty.

#### 4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho VDSC và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Tổ Chức Phát Hành đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên

lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

*“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”*

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2006, đến nay đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

#### 2.1. Cổ đông cá nhân và người có liên quan

| STT | Tên         | Năm sinh | Quốc tịch | SLCP sở hữu | Tỷ lệ  |
|-----|-------------|----------|-----------|-------------|--------|
| 1   | Võ Đông Đức | 1959     | Việt Nam  | 5.543.650   | 36,73% |

Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của ông Võ Đông Đức và người có liên quan tại Tổ chức phát hành tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt phát hành (bao gồm phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu):

| STT | Tên                                    | Thời điểm trở thành Cổ đông lớn<br>(tháng 10/2011) |                                      | Hiện tại                 |                                      | Dự kiến sau đợt phát hành |                                      |
|-----|----------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|
|     |                                        | SLCP có quyền biểu quyết                           | Tỷ lệ CP nắm giữ có quyền biểu quyết | SLCP có quyền biểu quyết | Tỷ lệ CP nắm giữ có quyền biểu quyết | SLCP có quyền biểu quyết  | Tỷ lệ CP nắm giữ có quyền biểu quyết |
| I   | Võ Đông Đức                            | 583.017                                            | 7,29%                                | 5.543.650                | 36,73%                               | 6.652.380                 | 36,73%                               |
| II  | Người có liên quan của ông Võ Đông Đức | 72.598                                             | 0,91%                                | 314.815                  | 2,09%                                | 377.778                   | 2,09%                                |
| 1   | Nguyễn Thị Hải (Me)                    | 0                                                  | 0%                                   | 0                        | 0%                                   | 0                         | 0%                                   |
| 2   | Huỳnh Thu Hồng (Vợ)                    | 0                                                  | 0%                                   | 0                        | 0%                                   | 0                         | 0%                                   |

| STT | Tên                             | Thời điểm vào thành Cổ<br>đồng lớn<br>(tháng 10/2011) |                                               | Hiện tại                       |                                                  | Dự kiến vào đợt phát<br>hành   |                                                  |
|-----|---------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------|
|     |                                 | SLCP có<br>quyền<br>biểu<br>quyết                     | Tỷ lệ CP<br>nắm giữ cổ<br>quyền biểu<br>quyết | SLCP có<br>quyền biểu<br>quyết | Tỷ lệ CP<br>nắm giữ<br>cổ quyền<br>biểu<br>quyết | SLCP có<br>quyền biểu<br>quyết | Tỷ lệ CP<br>nắm giữ<br>cổ quyền<br>biểu<br>quyết |
| 3   | Võ Thị Kiều Hạnh<br>(Em ruột)   | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 4   | Võ Đức Trí (Em ruột)            | 19.643                                                | 0,25%                                         | 12.450                         | 0,08%                                            | 14.940                         | 0,08%                                            |
| 5   | Nguyễn Thị Thu Cúc<br>(Em dâu)  | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 6   | Võ Thị Kiều Dung<br>(Em ruột)   | 39.733                                                | 0,50%                                         | 206.293                        | 1,37%                                            | 247.552                        | 1,37%                                            |
| 7   | Trần Hoàng Mỹ (Em<br>rể)        | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 8   | Võ Thanh Liêm (Em<br>ruột)      | 10.472                                                | 0,13%                                         | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 9   | Võ Thị Kiều Thu (Em<br>ruột)    | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 10  | Lê Đức Thành (Em<br>rể)         | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 11  | Võ Thị Kiều Loan<br>(Em ruột)   | 2.750                                                 | 0,03%                                         | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 12  | Phạm Khải Công<br>Khánh (Em rể) | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| 13  | Võ Phương Thuý<br>(Con ruột)    | 0                                                     | 0%                                            | 96.072                         | 0,64%                                            | 115.286                        | 0,64%                                            |
| 14  | Phạm Hoàng Nam<br>(Con rể)      | 0                                                     | 0%                                            | 0                              | 0%                                               | 0                              | 0%                                               |
| @   | Tổng cộng                       | 655.615                                               | 8,20%                                         | 5.858.465                      | 38,82%                                           | 7.030.158                      | 38,82%                                           |

Nguồn: CASEAMEX.

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với ông Võ Đông Đức và những người có liên quan của ông Võ Đông Đức: Không có.

Lợi ích liên quan của cổ đông lớn đối với Công ty (nếu có): Không có

## 2.2. Cổ đông tổ chức

Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

| STT                                        | Họ tên                | Chức vụ                               | Nhiệm kỳ    |
|--------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|-------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b>                   |                       |                                       |             |
| 1                                          | Ông Nguyễn Chí Thảo   | Chủ tịch HĐQT/<br>Phó Tổng Giám đốc   | 2020 – 2025 |
| 2                                          | Ông Võ Đông Đức       | Phó Chủ tịch HĐQT/<br>Tổng Giám đốc   | 2020 – 2025 |
| 3                                          | Võ Thị Thuý Nga       | Thành viên HĐQT                       | 2020 – 2025 |
| 4                                          | Lê Huỳnh Thanh Trúc   | Thành viên HĐQT                       | 2020 – 2025 |
| 5                                          | Lê Thành Được         | Thành viên HĐQT/<br>Phó Tổng Giám đốc | 2023 – 2025 |
| <b>Ban kiểm soát</b>                       |                       |                                       |             |
| 1                                          | Lý Quốc Tuấn          | Trưởng BKS                            | 2020 – 2025 |
| 2                                          | Hồ Thị Cẩm Huỳnh      | Thành viên BKS                        | 2020 – 2025 |
| 3                                          | Nguyễn Thị Khánh Vân  | Thành viên BKS                        | 2020 – 2025 |
| <b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b> |                       |                                       |             |
| 1                                          | Ông Võ Đông Đức       | Tổng giám đốc                         |             |
| 2                                          | Ông Nguyễn Chí Thảo   | Phó Tổng Giám đốc                     |             |
| 3                                          | Ông Lê Thành Được     | Phó Tổng Giám đốc                     |             |
| 4                                          | Ông Nguyễn Trí Tùng   | Phó Tổng Giám đốc                     |             |
| 5                                          | Ông Phan Hoàng Duy    | Phó Tổng Giám đốc                     |             |
| 6                                          | Ông Lâm Văn Minh      | Phó Tổng Giám đốc                     |             |
| 7                                          | Ông Nguyễn Khắc Chung | Kế toán trưởng                        |             |

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông Nguyễn Chí Thảo – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN CHÍ THẢO
- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                          |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Trợ lý Giám đốc – Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ                       |
| 07/2006 – 06/2020 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |
| 06/2020 - nay     | Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ     |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 42.266 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Nguyễn Chí Thảo và những người có liên quan của Ông Nguyễn Chí Thảo: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Nguyễn Chí Thảo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:

| Năm      | Thù lao     | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|-------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 120.000.000 | 60.000.000 | 360.000.000 |
| Năm 2024 | 120.000.000 | 45.000.000 | 360.000.000 |
| Q1/2025  | 30.000.000  | -          | 90.000.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

**3.1.2. Ông Võ Đông Đức – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **VÕ ĐÔNG ĐỨC**
- Năm sinh: **1959**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế và kỹ sư chăn nuôi thú y**
- Quá trình công tác:

| Thời gian        | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                          |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006    | Giám đốc – Xi nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất khẩu Cần Thơ |
| 07/2006– 06/2020 | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.                        |
| 06/2020 - nay    | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.                    |

- Chức vụ công tác tại Công ty: **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**
- Số CP nắm giữ (tới ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: **0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.**
  - + Cá nhân sở hữu: **5.543.650 cổ phiếu, chiếm 36,73% vốn điều lệ.**
  - + Sở hữu của người có liên quan: **314.815 cổ phiếu, chiếm 2,09% vốn điều lệ.**
    - (1) Võ Đức Trí (Em ruột): **12.450 cổ phiếu, chiếm 0,08% vốn điều lệ.**
    - (2) Võ Thị Kiều Dung (Em ruột): **206.293 cổ phiếu, chiếm 1,37% vốn điều lệ.**
    - (3) Võ Phương Thùy (Con ruột): **96.072 cổ phiếu, chiếm 0,64% vốn điều lệ.**
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: **Không có**
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Võ Đông Đức và những người có liên quan của Ông Võ Đông Đức: **Không có**
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Võ Đông Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 96.000.000 | 76.000.000 | 456.000.000 |
| Năm 2024 | 96.000.000 | 57.000.000 | 456.000.000 |
| Q1/2025  | 24.000.000 | -          | 114.000.000 |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

### 3.1.3. Bà Võ Thị Thuý Nga – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **VÔ THỊ THUÝ NGÀ**
- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                                 |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Quản đốc sản xuất – Xi nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |
| 07/2006 – 01/2020 | Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                  |
| 01/2020 – 12/2024 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                          |
| 12/2024 – nay     | Thành viên HĐQT – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                                 |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 154.534 cổ phiếu, chiếm 1,02% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 64.318 cổ phiếu, chiếm 0,43% vốn điều lệ.
  - (1) Nguyễn Thanh Quang (Chồng): 64.318 cổ phiếu, chiếm 0,43% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Võ Thị Thuý Nga và những người có liên quan của Bà Võ Thị Thuý Nga: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Bà Võ Thị Thuý Nga theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 72.000.000 | 64.160.000 | 384.936.000 |
| Năm 2024 | 72.000.000 | 44.300.000 | 354.346.000 |
| Q1/2025  | 18.000.000 | -          | 87.392.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

#### 3.1.4. Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **LÊ HUỲNH THANH TRÚC**
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ sinh học
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                                 |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản xuất Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Phó Quản đốc sản xuất |
| 07/2006 – 01/2020 | Phó quản đốc nhà máy sản xuất – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                   |
| 01/2020 - nay     | Thành viên HĐQT kiêm Phó Quản đốc nhà máy                                                                              |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Quản đốc nhà máy

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 36.499 cổ phiếu, chiếm 0,24% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc và những người có liên quan của Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 72.000.000 | 43.580.000 | 261.408.000 |
| Năm 2024 | 72.000.000 | 30.890.000 | 247.060.000 |
| Q1/2025  | 18.000.000 | -          | 60.860.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có.
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

### 3.1.5. Ông Lê Thành Được – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **LÊ THÀNH ĐƯỢC**
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ - Nơi làm việc                                                                                   |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Phó Giám đốc – Xi nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ |
| 07/2006 – 05/2023 | Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Cần Thơ                                                          |
| 05/2023 - nay     | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                            |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 17.163 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Lê Thành Được và những người có liên quan của Ông Lê Thành Được: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Lê Thành Được theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:
 

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 48.000.000 | 50.000.000 | 300.000.000 |
| Năm 2024 | 72.000.000 | 37.500.000 | 300.000.000 |
| Q1/2025  | 18.000.000 | -          | 75.000.000  |
  - Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên HĐQT có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

## 3.2. Ban kiểm soát

## 3.2.1. Ông Lý Quốc Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **LÝ QUỐC TUẤN**
- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                              |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Nhân viên phòng kế toán – Xí nghiệp Chế biến thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông Sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ |
| 07/2006 – 02/2010 | Nhân viên phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                      |
| 03/2010 – 12/2024 | Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                  |
| 12/2024 - nay     | Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                         |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 27.702 cổ phiếu, chiếm 0,18% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Lý Quốc Tuấn và những người có liên quan của Ông Lý Quốc Tuấn: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Lý Quốc Tuấn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 60.000.000 | 42.640.000 | 255.816.000 |
| Năm 2024 | 60.000.000 | 29.870.000 | 238.908.000 |
| Q1/2025  | 15.000.000 | -          | 60.000.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có

- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

### 3.2.2. Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **HỒ THỊ CẨM HUỖNH**
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chăn nuôi thú y
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                           |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Nhân viên kiểm nghiệm thuộc Phòng kỹ thuật xí nghiệp CBTPXK – Trực thuộc Công ty nông sản xuất nhập khẩu Cần Thơ |
| 07/2006 – 11/2020 | Phó phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                        |
| 11/2020 – 06/2020 | Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                     |
| 06/2020 - nay     | Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng kỹ thuật – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                 |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 30.998 cổ phiếu, chiếm 0,21% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông của Tổ chức phát hành: Không có.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh và những người có liên quan của Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 60.000.000 | 40.800.000 | 226.752.000 |
| Năm 2024 | 60.000.000 | 29.640.000 | 237.043.000 |
| Q1/2025  | 15.000.000 | -          | 60.000.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có.
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

### 3.2.3. Bà Nguyễn Thị Khánh Vân – Thành viên Ban kiểm soát.

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN**
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                                         |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Nhân viên Phòng kế toán (trạm TPHCM) Xí nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ |
| 07/2006 – 06/2020 | Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                      |
| 06/2020 – nay     | Thành viên BKS kiêm Nhân viên văn phòng Tổ chức hành chính - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                              |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 5.545 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 19.036 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ.
    - (1) Nguyễn Thị Thùy Anh (Chị ruột): 11.853 cổ phiếu, chiếm 0,08% vốn điều lệ
    - (2) Nguyễn Thị Khánh Hương (Chị ruột): 7.183 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Bà Nguyễn Thị Khánh Vân và những người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Khánh Vân: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định về tiền lương của Công ty, cụ thể như sau:
 

| Năm      | Thù lao    | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|------------|------------|-------------|
| Năm 2023 | 60.000.000 | 25.880.000 | 155.259.000 |
| Năm 2024 | 60.000.000 | 18.320.000 | 146.429.000 |
| Q1/2025  | 15.000.000 | -          | 38.381.000  |
  - Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Kiểm soát viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

### 3.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

3.3.1. Ông Võ Đông Đức – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Xem mục 3.1.2)

3.3.2. Ông Nguyễn Chí Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Xem mục 3.1.1)

3.3.3. Ông Lê Thành Được – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Xem mục 3.1.5)

**3.3.4. Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **NGUYỄN TRÍ TÙNG**
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                            |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006     | Trưởng phân xưởng tôm – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ |
| 07/2006 – 06/2020 | Trưởng phòng kỹ thuật – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                      |
| 06/2020 - nay     | Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                          |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 12.172 cổ phiếu, chiếm 0,08% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Nguyễn Trí Tùng và những người có liên quan của Ông Nguyễn Trí Tùng: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Nguyễn Trí Tùng như sau:

| Năm      | Thù lao  | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|----------|------------|-------------|
| Năm 2023 | Không có | 50.000.000 | 300.000.000 |
| Năm 2024 | Không có | 37.500.000 | 300.000.000 |
| Q1/2025  | Không có | -          | 75.000.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có

- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Phó Tổng Giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

### 3.3.5. Ông Phan Hoàng Duy – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **PHAN HOÀNG DUY**
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác thủy sản
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Chức vụ – Nơi làm việc                                         |
|-------------------|----------------------------------------------------------------|
| 01/2008 – 05/2014 | Nhân viên P. Xuất khẩu - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ  |
| 06/2014 – 11/2015 | Phó phòng Xuất khẩu – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ     |
| 12/2015 – 07/2017 | Trưởng phòng Kinh doanh – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |
| 08/2017 - nay     | Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ       |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 7.911 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Ông Phan Hoàng Duy đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Phan Hoàng Duy và những người có liên quan của Ông Phan Hoàng Duy: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Phan Hoàng Duy như sau:

| Năm      | Thù lao  | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|----------|------------|-------------|
| Năm 2023 | Không có | 60.020.000 | 360.050.000 |
| Năm 2024 | Không có | 45.000.000 | 360.020.000 |
| Q1/2025  | Không có | -          | 90.000.000  |

- Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

### 3.3.6. Ông Lâm Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **LÂM VĂN MINH**
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nuôi trồng thủy sản
- Quá trình công tác:

| Thời gian            | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                                |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006        | Nhân viên tổ Kỹ thuật thủy sản - Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất khẩu Cần Thơ |
| 07/2006 – 30/01/2012 | Trưởng phòng Kỹ thuật thủy sản - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                 |
| 02/2012 – 12/2015    | Nghỉ việc tại Công ty Caseamex. Kinh doanh tự do tại gia đình số D3-01, đường số 5, KDC Nam Long, tp Cần Thơ          |
| 12/2015 – 31/12/2019 | Phó tổng giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                              |
| 2020 – 02/2025       | Nghỉ việc tại Công ty Caseamex. Kinh doanh tự do tại gia đình số D3-01, đường số 5, KDC Nam Long, tp Cần Thơ          |
| 18/02/2025 - nay     | Phó tổng giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ                                                              |

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Ông Lâm Văn Minh đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Lâm Văn Minh và những người có liên quan của Ông Lâm Văn Minh: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Lâm Văn Minh như sau:
 

| Năm      | Thù lao  | Thưởng   | Tiền lương |
|----------|----------|----------|------------|
| Năm 2023 | Không có | Không có | Không có   |
| Năm 2024 | Không có | Không có | Không có   |
| Q1/2025  | Không có | Không có | 66.000.000 |
  - Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Phó Tổng Giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

### 3.3.7. Ông Nguyễn Khắc Chung – Kế toán trưởng

- Họ và tên: NGUYỄN KHẮC CHUNG
- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian     | Chức vụ – Nơi làm việc                                                                                        |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước 07/2006 | Phụ trách Kế toán – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ |

|               |                                                       |
|---------------|-------------------------------------------------------|
| 07/2006 - nay | Kế toán trưởng – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |
|---------------|-------------------------------------------------------|

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 31/12/2024):
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - + Cá nhân sở hữu: 97.015 cổ phiếu, chiếm 0,64% vốn điều lệ.
  - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Ông Nguyễn Khắc Chung đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Nguyễn Khắc Chung và những người có liên quan của Ông Nguyễn Khắc Chung: Không có.
  - Thù lao, thưởng, tiền lương của Ông Nguyễn Khắc Chung như sau:
 

| Năm      | Thù lao  | Thưởng     | Tiền lương  |
|----------|----------|------------|-------------|
| Năm 2023 | Không có | 50.860.000 | 305.055.000 |
| Năm 2024 | Không có | 37.380.000 | 299.039.000 |
| Q1/2025  | Không có | -          | 74.897.000  |
  - Lợi ích khác từ năm 2023 đến nay: Không có
- Các khoản nợ với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]*

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu được Tổ chức phát hành chào bán là Cổ phần phổ thông.

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá của cổ phiếu được chào bán là 10.000 đồng.

### 3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu phát hành là **3.018.464 cổ phiếu**, bao gồm:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.509.232 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 1.509.232 cổ phiếu.

### 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là **30.184.640.000 đồng**, bao gồm:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 15.092.320.000 đồng.
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 15.092.320.000 đồng.

### 5. Giá chào bán dự kiến

Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 6. Phương pháp tính giá

Bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu (được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/ĐHĐCD.2024 ngày 25/05/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ).

### 7. Phương thức phân phối

#### 7.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 1.509.232 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 15.092.320.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Nguồn vốn thực hiện phát hành : Nguồn thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : Tỷ lệ 10:1, nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm.  
Quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.
- Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh : Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.  
*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Với tỷ lệ 10:1 (tương đương 10%), cổ đông A nhận được 10,1 cổ phiếu phát hành thêm (101 \* 10%). Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ nêu trên, cổ đông A nhận được 10 cổ phiếu phát hành thêm, số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*

## 7.2. Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 1.509.232 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 15.092.320.000 đồng
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

- Tỷ lệ thực hiện quyền : Tỷ lệ 10:1, nghĩa là tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm.
- Chuyển nhượng quyền mua : Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành của mình cho người khác theo giá thỏa thuận của hai Bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).
- Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh : Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

*Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành tính theo tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương đương 10%) là 10,1 ( $101 \times 10\%$ ). Như vậy, cổ đông A sẽ được mua thêm 10 cổ phiếu mới, số lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.*

- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết:
  - a. Số cổ phiếu lẻ, chưa phân phối hết, gồm các trường hợp sau đây:
    - + Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có);
    - + Số cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua và không được đăng ký mua hết.

**b. Phương thức xử lý:**

Đối với Số Cổ Phiếu Còn Lại, tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán, trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty được quyền: (i) Quyết định kết thúc đợt phát hành và báo cáo kết quả phát hành trước khi hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật; hoặc (ii) Quyết định lựa chọn nhà đầu tư (bao gồm cổ đông của Công ty và/hoặc nhà đầu tư khác có nhu cầu quan tâm mua cổ phiếu

phát hành của Công ty, sau đây gọi tắt "**Nhà Đầu Tư**"), số lượng Nhà Đầu Tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng Nhà Đầu Tư với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở các tiêu chí như sau:

- + Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính và có nhu cầu đầu tư mua cổ phiếu phát hành của Công ty;
- + Việc phân phối số cổ phiếu còn lại đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- + Có tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn – nếu có), mà cổ phiếu vẫn chưa phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sẽ được hủy và kết thúc đợt phát hành.

**8. Đăng ký mua cổ phiếu (đối với số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền)**

❖ **Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu**

Tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực hoặc thời hạn khác dài hơn do CASEAMEX thông báo.

❖ **Phương thức đăng ký:**

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

❖ **Phương thức thanh toán:**

Tiền mua cổ phiếu phải chuyển vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu tại điểm 12 Phần VII của Bản cáo bạch này.

❖ **Chuyển nhượng quyền mua:**

- Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày để đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền mua này cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên.
- Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng cổ phần không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba.
- Việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày so với ngày hết hạn đặt mua cổ phần chào bán.

❖ **Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:**

Không có.

❖ **Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:**

Không áp dụng.

### 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2025. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không qua 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

| Bước | Công việc                                                                                                                                                      | Thời gian (ngày) |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1    | Nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN.                                                                                                | T                |
| 2    | Công ty công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định.                                                                                                       | T+1 đến T+5      |
| 3    | Gửi hồ sơ thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông ( <i>quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu</i> ) | T+6 đến T+8      |
| 4    | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền mua cổ phiếu.                                                  | T+18             |
| 5    | Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền từ VSDC                                                                                                | T+20             |
| 6    | Cổ đông nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua.                                                                                                          | T+26 đến T+27    |
| 7    | Cổ đông chuyển nhượng quyền mua ( <i>nếu có</i> )                                                                                                              | T+28 đến T+38    |
| 8    | Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phần                                                                                                                        | T+28 đến T+48    |
| 9    | VSDC gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần                                                                                                     | T+49 đến T+53    |
| 10   | HĐQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết ( <i>nếu có</i> )                                                                                              | T+53 đến T+65    |
| 11   | Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN                                                                                                                           | T+65 đến T+70    |

| Bước | Công việc                                                                           | Thời gian (ngày) |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 12   | Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.      | T+65 đến T+70    |
| 13   | VSDC và HNX chấp thuận lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm. | T+70 đến T+90    |
| 14   | Cổ phần phát hành thêm chính thức giao dịch.                                        | T+90             |

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu CASEAMEX dự kiến cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông CASEAMEX và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

#### 10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)

Không có.

#### 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

##### ❖ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

##### ❖ Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Cổ phiếu phát hành để chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Trường hợp Công ty thực hiện phân phối số cổ phiếu lẻ, chưa chào bán hết như đã nêu trên cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

#### 12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa như sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**
- Số tài khoản: 8600045699
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành  
Không có.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Không có.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ Công văn số 3613/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 07/06/2024, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ là 0% vốn điều lệ.

Tính đến ngày 31/12/2024 (thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất), tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,39%. Trong đợt phát hành cổ phiếu này, cổ phiếu sẽ được phát hành/chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu, do đó sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.

Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu, căn cứ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu của đợt chào bán, Công ty sẽ phối hợp với VSDC kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu cho nhà đầu tư nước ngoài để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán không vượt quá 0,39% vốn điều lệ. Cụ thể, cổ đông nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài khác sẽ không được quyền mua quyền mua cổ phiếu của Công ty.

Trong trường hợp xử lý đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu không được chào bán hết, HĐQT sẽ quyết định việc bán số cổ phiếu này cho các đối tượng khác là các cổ đông, nhà đầu tư trong nước.

HĐQT Công ty cam kết thực hiện các phương án đảm bảo nêu trên và các phương án cần thiết khác để đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng đúng quy định về sở hữu nước ngoài tại Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với Công ty

❖ **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu: 0%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa: Không chịu thuế, 5%, 10%
- Dịch vụ: 10%

Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định tại Điều 2 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% đối với thu nhập từ kinh doanh nhà ở xã hội để bán.

Đối với các khoản thu nhập tính thuế khác, Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

❖ **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành.

**16.2. Đối với Nhà đầu tư**

**16.2.1. Đối với Nhà đầu tư cá nhân**

❖ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

**Đối với Nhà đầu tư trong nước:** Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

**Đối với Nhà đầu tư nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

❖ **Thu nhập cổ tức**

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

**16.2.2. Đối với Nhà đầu tư tổ chức**

❖ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

**Đối với tổ chức trong nước:** Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**Đối với tổ chức nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

❖ **Thu nhập từ cổ tức**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

**17. Thông tin về các cam kết**

Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng (*bao gồm phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán cho cổ đông hiện hữu*) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

**18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**

Không có.

**VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán khoảng **15.092.320.000 đồng** (*số tiền thu được từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền*), được sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

**IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cụ thể như sau:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán khoảng **15.092.320.000 đồng** (*số tiền thu được từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền*), dự kiến được phân bổ sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

| STT | Mục đích sử dụng vốn                                                                                     | Số tiền dự kiến (đồng) | Thời gian thanh toán   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 1   | Trả nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long | 15.092.320.000         | Dự kiến trong năm 2025 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                         | <b>15.092.320.000</b>  |                        |

Để làm rõ, theo phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 15.092.320.000 đồng (*số tiền thu được từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền*) được Công ty sử dụng để trả nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long (gọi tắt "**BIDV**").

Do đây là khoản nợ vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động của Công Ty nên Hợp đồng tín dụng hạn mức chỉ có thời hạn 01 năm và được Công Ty ký kết định kỳ hàng năm vào tháng 07 với Ngân hàng BIDV. Kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng mới, toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn của Công Ty tại BIDV sẽ được chuyển tiếp từ Hợp đồng cũ sang Hợp đồng mới, và Hợp đồng cũ sẽ hết hiệu lực giải ngân. Hiện tại, khoản nợ vay của Công ty đang được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2024/5398470/HĐTD ngày 01/07/2024 với hạn mức tối đa là 360.000.000.000 đồng. Đến tháng 07/2025, giữa Công ty và BIDV sẽ ký tiếp Hợp đồng tín

dụng hạn mức mới cho kỳ tiếp theo. Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng hiện tại, số dư nợ vay ngắn hạn của Công Ty tại BIDV đến thời điểm 31/12/2024 là 4.470.000 USD và 197.000.000.000 VND có thời gian đáo hạn từ tháng 01/2025 đến tháng 06/2025. Trong đó, các khoản nợ đáo hạn vào tháng 06/2025 là 445.000 USD và 30.670.000.000 VND.

Trên cơ sở thời gian dự kiến phát hành trong năm 2025, Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán *(dự kiến 15.092.320.000 đồng (số tiền thu được từ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền))* để trả bớt nợ vay tại BIDV đối với các khoản nợ có thời gian đáo hạn trong tháng 06/2025. Trường hợp thời gian triển khai đợt chào bán của Công Ty kéo dài hơn so với dự kiến, trên cơ sở Hợp đồng tín dụng hạn mức mới ký với BIDV trong tháng 07/2025 *(toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn của Công ty tại BIDV sẽ được chuyển tiếp từ Hợp đồng số 001/2024/5398470/HĐTD ngày 01/07/2024 sang Hợp đồng mới ký trong tháng 07/2025)*, Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán các khoản nợ có thời gian đáo hạn trong 6 tháng cuối năm 2025 tùy vào thời gian thực tế triển khai đợt chào bán.

Thông tin chi tiết về khoản vay nêu trên của Công ty như sau:

| STT | Chi tiêu                                                                      | Nội dung                                                                                                                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngân hàng cho vay                                                             | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long                                                                  |
| 2   | Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành | Không có                                                                                                                                          |
| 3   | Hợp đồng tín dụng                                                             | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2024/5398470/HĐTD ký ngày 01/07/2024.                                                                            |
| 4   | Hạn mức tín dụng tối đa                                                       | Tối đa 360.000.000.000 VND <i>(gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi)</i>                                                                      |
| 5   | Giá trị khoản vay hiện tại                                                    | Dư nợ tại ngày 31/12/2024: 311.208.500.000 đồng <i>(tương đương với dư nợ bằng USD là 4.470.000 USD và dư nợ bằng VND là 197.000.000.000 VND)</i> |
| 6   | Lãi suất                                                                      | Thả nổi                                                                                                                                           |
| 7   | Thời hạn cấp hạn mức                                                          | Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025                                                                                                            |
| 8   | Mục đích vay                                                                  | Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                      |
| 9   | Tài sản thế chấp                                                              | Tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất                                                                                                     |

*[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]*

**X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN****1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán****❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023, 2024****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C – CHI NHÁNH CẦN THƠ**

Địa chỉ: 15-13 Võ Nguyên Giáp, Quận Cái Răng TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0292 3764.995

Fax: 0292 3764 996

**❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà VietDragon, Số 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6299 2006

**2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành**

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có một số nhận định như sau:

Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó chiến lược kinh doanh của Công ty trong việc tập trung vào hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản là phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của đất nước, điều này sẽ tạo ra nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông. Tuy nhiên với tốc độ phát triển nhanh và các cơ hội đầu tư hiện có, trong khi nguồn vốn chủ sở hữu còn khá hạn hẹp sẽ gia tăng rủi ro cũng như hạn chế một số cơ hội phát triển của Công ty. Việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành này là một bước tiến rất cần thiết và phù hợp cho Công ty để nâng cao năng lực kinh doanh, thu hút và giữ nhân tài. Với việc sử dụng tiền thu được để mở rộng năng lực sản xuất trong ngành nghề kinh doanh thiết yếu sẽ thu hút được Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu phát hành đợt này của Công ty là 3.018.464 cổ phiếu (trong đó: số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.509.232 cổ phiếu; số lượng cổ phiếu phát hành để chào bán thêm ra công chúng là 1.509.232 cổ phiếu), là đợt chào bán có quy mô nhỏ so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây.

Với những nhận định trên, cùng với mức giá cổ phiếu CCA đang được giao dịch trên hệ thống UPCOM hiện nay (giá tham chiếu cổ phiếu CCA trong 30 ngày giao dịch liên tiếp từ ngày 11/03/2025 đến ngày 23/04/2025 dao động từ 12.900 đồng/cổ phiếu đến 16.000 đồng/cổ phiếu) cao hơn so với mức giá chào bán trong đợt phát hành này là 10.000 đồng/cổ phần, qua đó tăng tính hấp dẫn của cổ phiếu chào bán, Tổ chức tư vấn tin rằng đợt chào bán có tính khả thi cao và sẽ thành công theo kế hoạch dự kiến của Tổ chức phát hành.

**XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

**XII. PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1.** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (kèm Tờ trình số 53/TT-HĐQT.2024 ngày 20/05/2024 về phương án phát hành cổ phiếu).
- Phụ lục 2.** Các Nghị quyết Hội đồng quản trị:
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HĐQT.2024 ngày 08/07/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
  - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT.2025 ngày 18/02/2025 về việc điều chỉnh thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Phụ lục 3.** Các Báo cáo tài chính của Công ty:
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023
  - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024
  - Báo cáo tài chính Quý I/2025
- Phụ lục 4.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020.
- Phụ lục 5.** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Phụ lục 6.** Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2024/5398470/HĐTD ngày 01/07/2024 giữa BIDV và Công ty;
  - Phiếu đối chiếu tài khoản ngày 07/01/2025.



Cần Thơ, ngày 24 tháng 09 năm 2025

CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ ĐÔNG ĐỨC



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN CHÍ THẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN KHẮC CHUNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

Số: 41/CV.2025

Cần Thơ, ngày 15 tháng 05 năm 2025

## THÔNG BÁO

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 122/GCN-UBCK  
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/05/2025)

#### I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**
- Tên viết tắt: **CASEAMEX**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 2-12, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại: (0292) 3841 289 - Số fax: (0292) 3841 116 - Website: [www.caseamex.com](http://www.caseamex.com)
- Vốn điều lệ: 150.923.260.000 đồng.
- Mã cổ phiếu CCA.
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long  
Số hiệu tài khoản: 7450000559
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/06/2006, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản  
Mã ngành: 1020
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: Cá tra.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không.

#### II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024.



### III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 3.018.464 cổ phiếu, bao gồm:
  - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.509.232 cổ phiếu
  - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 1.509.232 cổ phiếu, trong đó:
    - +/- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 1.509.232 cổ phiếu;
    - +/- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động (đối với chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua): 15.092.320.000 đồng, trong đó:
  - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 15.092.320.000 đồng;
  - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
6. Phương thức phân phối:
  - 6.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
    - Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.
  - 6.2. Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
    - Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 10 quyền được mua 01 cổ phiếu mới.
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không có.
8. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: Ngày 30/05/2025
9. Thời gian nhận đăng ký mua (đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua):
  - Thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Từ ngày 10/06/2025 đến ngày 20/06/2025.
  - Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 10/06/2025 đến ngày 30/06/2025.
10. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu (đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua):

CHỖ  
CHỮ  
HỌ  
TÊN  
CHỮ  
KÝ

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
  - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục, đăng ký mua tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ) và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
11. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu (đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua): Từ ngày 10/06/2025 đến ngày 30/06/2025.
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu (đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua):
- Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
  - Số tài khoản: 8600045699
  - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long
13. Các tổ chức liên quan:
- ❖ Tổ chức tư vấn: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**
    - Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
    - Điện thoại: (028) 6299 2006 - Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)
  - ❖ Tổ chức kiểm toán: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C – CHI NHÁNH CẦN THƠ**
    - Địa chỉ: 15-13 Võ Nguyên Giáp, Quận Cái Răng TP. Cần Thơ.
    - Điện thoại: (0292) 3764 995 - Fax: (0292) 3764 996 - Website: [www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)
14. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:
- ❖ Tổ chức chào bán: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**
    - Địa chỉ: Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
    - Điện thoại: (0292) 3841 289 - Fax: (0292) 3841 116 - Website: [www.caseamex.com](http://www.caseamex.com)
  - ❖ Tổ chức tư vấn: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**
    - Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
    - Điện thoại: (028) 6299 2006 - Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)

CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



*[Handwritten signature]*

Võ Đông Đức



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN CẦN THƠ**

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2022/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2022;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Tổ chức và Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cần Thơ;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cần Thơ ngày 25/05/2024.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1 Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo của BGD**

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

| Chỉ tiêu             | ĐVT               | Thực hiện 2023    |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu            | Đồng              | 1.249.727.135.015 |
| Kim ngạch xuất khẩu  | USD               | 34.382.074        |
| Lợi nhuận trước thuế | Đồng              | 4.617.493.724     |
| Sản lượng sản xuất   | Kg                | 12.428.103        |
| Sản lượng tiêu thụ   | Kg                | 13.810.481        |
| Tổng CBNV            | Người             | 882               |
| Thu nhập bình quân   | Đồng/Người/ tháng | 9.652.470         |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100 %

**b. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 :**

| Chỉ tiêu             | DVT               | Kế hoạch 2024     |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu            | Đồng              | 1.300.000.000.000 |
| Kim ngạch xuất khẩu  | USD               | 40.000.000        |
| Lợi nhuận trước thuế | Đồng              | 15.000.000.000    |
| Khấu hao TSCĐ        | Đồng              | 10.800.000.000    |
| Năng lực sản xuất    | Kg                | 13.500.000        |
| Sản lượng tiêu thụ   | Kg                | 13.500.000        |
| Tổng CBNV            | Người             | 760               |
| Thu nhập bình quân   | Đồng/Người/ tháng | 10.000.000        |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100 %

**Điều 2 Thông qua Báo cáo HĐQT năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100 %

**Điều 3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm tra tình hình hoạt động năm 2023**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100 %

**Điều 4 Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua các tờ trình của HĐQT:**

***4.1 Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận 2023***

| STT | KHOẢN MỤC                                  | Tổng           |
|-----|--------------------------------------------|----------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế                       | 4.617.493.724  |
| 2   | Thuế TNDN phải nộp                         | 904.543.242    |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1-2)                   | 3.712.950.482  |
| 4   | Tổng mức trích lập các Quỹ                 | 519.813.067    |
|     | <i>Quỹ dự trữ vốn điều lệ (4% LNST)</i>    | 148.518.019    |
|     | <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LNST)</i> | 371.295.048    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế còn lại (3-4)           | 3.193.137.415  |
| 6   | Lợi nhuận năm trước còn lại                | 25.889.861.416 |

|   |                                      |                |
|---|--------------------------------------|----------------|
| 7 | Tổng lợi nhuận còn lại (5+6)         | 29.082.998.831 |
| 8 | Chi cổ tức cho cổ đông năm 2023 (8%) | 12.073.860.800 |
| 9 | Lợi nhuận còn lại (7-8)              | 17.009.138.031 |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100 %

#### 4.2 Thông qua tờ trình kế hoạch lợi nhuận 2024

| STT | KHOẢN MỤC                                                                                                                                              | Đơn vị tính (đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Lợi nhuận trước thuế năm 2024                                                                                                                          | 15.000.000.000     |
| 2   | Thuế TNDN phải nộp ( 20%)                                                                                                                              | 3.000.000.000      |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế (1- 2)                                                                                                                              | 12.000.000.000     |
| 4   | Tổng mức trích lập các Quỹ                                                                                                                             | 1.680.000.000      |
| a   | Quỹ dự trữ vốn điều lệ 4%                                                                                                                              | 480.000.000        |
| c   | Quỹ khen thưởng phúc lợi 10%                                                                                                                           | 1.200.000.000      |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2024 (3-4)                                                                                                              | 10.320.000.000     |
| 6   | Lợi nhuận năm 2023 còn lại                                                                                                                             | 17.009.138.031     |
| 7   | Tổng lợi nhuận năm 2024                                                                                                                                | 27.329.138.031     |
| 8   | Tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | 18.110.790         |
| 9   | Cổ tức dự kiến                                                                                                                                         | 1.509              |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100%

#### 4.3 Thông qua tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

#### 4.4. Thông qua tờ trình thù lao HĐQT và Ban kiểm soát

##### a. Thù lao HĐQT

|                                     |                    |
|-------------------------------------|--------------------|
| Tổng thù lao HĐQT năm 2023          | : 432.000.000 đồng |
| Kế hoạch tổng thù lao HĐQT năm 2024 | : 432.000.000 đồng |

##### b. Thù lao Ban kiểm soát

|                                    |                    |
|------------------------------------|--------------------|
| Tổng thù lao BKS năm 2023          | : 180.000.000 đồng |
| Kế hoạch tổng thù lao BKS năm 2024 | : 180.000.000 đồng |

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

#### 4.5 Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024

Đại hội thống nhất thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty theo quy định của pháp luật

Tỷ lệ biểu quyết tán thành : 100 %

#### Điều 5 Hiệu lực Nghị quyết và trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện nghị quyết

Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ chính thức thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25/05/2024.

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành chịu trách nhiệm phổ biến triển khai thực hiện, công bố trên website và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần nghị quyết này.

##### Nơi nhận:

- Như điều 5
- UBCKNN;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*Nguyễn Chí Thảo*

Số: 53./TT-HĐQT.2024

Cần Thơ, ngày 20 tháng 05 năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Thay thế cho Tờ trình số 51/TT-HĐQT.2024 ngày 17/03/2024 v/v phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, Tờ trình số 40/TT-HĐQT.2024 ngày 04/05/2024 v/v phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và Tờ trình số 41/TT-HĐQT.2024 ngày 04/05/2024 v/v phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ)

**Kính gửi:**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

**Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh sắp tới và gia tăng năng lực tài chính của Công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với nội dung như sau:

### A. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

|                            |                                                          |
|----------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1. Tên cổ phiếu phát hành: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |
| 2. Mã chứng khoán:         | CCA                                                      |
| 3. Loại cổ phiếu:          | Cổ phiếu phổ thông                                       |
| 4. Mệnh giá cổ phiếu:      | 10.000 đồng/cổ phiếu                                     |
| 5. Vốn điều lệ hiện nay:   | 150.923.260.000 đồng                                     |
| 6. SLCP đang lưu hành:     | 15.092.326 cổ phiếu                                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3.018.464 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                               |
| - <i>SLCP phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                | <i>1.509.232 cổ phiếu</i>                                                                                                                                                                                                        |
| - <i>SLCP chào bán cho cổ đông hiện hữu:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <i>1.509.232 cổ phiếu</i>                                                                                                                                                                                                        |
| <b>8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 30.184.640.000 đồng                                                                                                                                                                                                              |
| - <i>Giá trị phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:</i>                                                                                                                                                                                                                                                             | <i>15.092.320.000 đồng</i>                                                                                                                                                                                                       |
| - <i>Giá trị chào bán cho cổ đông hiện hữu:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <i>15.092.320.000 đồng</i>                                                                                                                                                                                                       |
| <b>9. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 181.107.900.000 đồng                                                                                                                                                                                                             |
| <b>10. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 18.110.790 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                              |
| <b>11. Tỷ lệ phát hành (SLCP dự kiến phát hành /SLCP đang lưu hành):</b>                                                                                                                                                                                                                                                            | 20%                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>12. Đối tượng phát hành:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. |
| <b>13. Hình thức phát hành:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng ( <i>Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua</i> ).                                            |
| <b>14. Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:</b>                                                                                                                                                                                                                                        | Nguồn thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty.                                                                                                         |
| <b>15. Giá chào bán dự kiến (đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu):</b>                                                                                                                                                                                                                                                   | 10.000 đồng/cổ phiếu                                                                                                                                                                                                             |
| <b>16. Nguyên tắc xác định giá chào bán:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                  |
| Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa trên cơ sở giá thị trường bình quân trong 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất trước ngày công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (từ ngày 19/03/2024 đến ngày 03/05/2024) và giá trị sổ sách của cổ phiếu CCA tại thời điểm gần nhất ngày 31/03/2024. Cụ thể như sau: |                                                                                                                                                                                                                                  |

▪ **Giá thị trường bình quân trong 30 phiên liên tiếp gần nhất (19/03/2024 – 03/05/2024):**

Căn cứ giá tham chiếu của cổ phiếu CCA được giao dịch trên sàn UPCoM, giá tham chiếu bình quân trong 30 phiên liên tiếp từ ngày 19/03/2024 đến ngày 03/05/2024 của cổ phiếu CCA được xác định là 16.177 đồng/cổ phiếu.

▪ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2024:**

Căn cứ Báo cáo tài chính quý I năm 2024, giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/03/2024 được xác định là 17.016 đồng/cổ phiếu.

Trên cơ sở giá thị trường bình quân trong 30 phiên liên tiếp gần nhất từ ngày 19/03/2024 đến ngày 03/05/2024 và giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2024 nêu trên, đánh giá mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để thu hút cổ đông tham gia mua cổ phiếu và đảm bảo khả năng thành công của đợt chào bán, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**17. Tỷ lệ thực hiện quyền:**

**a. Đối với phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:**

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (tương đương 10%)

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Với tỷ lệ 10:1 (tương đương 10%), cổ đông A nhận được 10,1 cổ phiếu phát hành thêm ( $101 \times 10\%$ ). Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ nêu trên, cổ đông A nhận được 10 cổ phiếu phát hành thêm, số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*

Quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.

**b. Đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua:**

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (tương đương 10%)

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

*Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành tính theo tỷ lệ thực hiện quyền 10:1*

(tương đương 10%) là 10,1 (101 \* 10%). Như vậy, cổ đông A sẽ được mua thêm 10 cổ phiếu mới, số lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành của mình cho người khác theo giá thỏa thuận của hai Bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).

#### 18. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành:

Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm:

- **Pha loãng giá cổ phiếu:** Tại ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu cổ phiếu CCA sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức như sau:

$$P_{IC} = \frac{P_{I-1} + (P_{QM} \cdot I_{QM})}{1 + I_{QM} + I_{CPT}}$$

Trong đó:

$P_{IC}$ : Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

$P_{I-1}$ : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền.

$P_{QM}$ : Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

$I_{QM}$ : Tỷ lệ phát hành thêm cổ phiếu để chào bán cho cổ đông hiện hữu.

$I_{CPT}$ : Tỷ lệ phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- **Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS):** Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân. Như vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ làm tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, do đó có thể ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ thấp xuống nếu tốc độ tăng trưởng lợi nhuận chưa thể tương xứng với tốc độ tăng thêm số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- **Pha loãng giá trị sổ sách:** Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách của Công ty sẽ giảm.
- **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ & quyền biểu quyết:** Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành, nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.

#### 19. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết (đối với SLCP dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu):

- a. Số cổ phiếu lẻ, chưa phân phối hết, gồm các trường hợp sau đây:

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có);
- Số cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua và không được đăng ký mua hết.

(Sau đây gọi tắt là “Số Cổ Phiếu Còn Lại”)

**b. Phương thức xử lý:**

Đối với Số Cổ Phiếu Còn Lại, tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được quyền: (i) Quyết định kết thúc đợt phát hành và báo cáo kết quả phát hành trước khi hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật; hoặc (ii) Quyết định lựa chọn nhà đầu tư (bao gồm cổ đông của Công ty và/hoặc nhà đầu tư khác có nhu cầu quan tâm mua cổ phiếu phát hành của Công ty, sau đây gọi tắt “Nhà Đầu Tư”), số lượng Nhà Đầu Tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng Nhà Đầu Tư với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở các tiêu chí như sau:

- Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính và có nhu cầu đầu tư mua cổ phiếu phát hành của Công ty;
- Việc phân phối Số Cổ Phiếu Còn Lại đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- Có tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn – nếu có), mà cổ phiếu vẫn chưa phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sẽ được hủy và kết thúc đợt phát hành.

**20. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần:**

**a. Đối với SLCP phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

**b. Đối với SLCP phát hành để chào bán cho cổ đông hiện hữu**

Cổ phiếu phát hành để chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Trường hợp Công ty thực hiện phân phối Số Cổ Phiếu Còn Lại nêu trên cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

**21. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định.

**22. Thời gian thực hiện:**

Dự kiến từ Quý 2/2024 đến Quý 1/2025, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký phát hành và được UBCKNN cấp Giấy phép / chấp thuận phát hành theo quy định pháp luật.

### 23. Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành.

## B. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu (*dự kiến 15.092.320.000 đồng*) sẽ được Công ty sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

| Stt | Mục đích sử dụng vốn                                                                                     | Số tiền dự kiến (đồng) | Thời gian thanh toán            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| I   | Trả nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long | 15.092.320.000         | Dự kiến Quý 4/2024 – Quý 2/2025 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                         | <b>15.092.320.000</b>  |                                 |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cân đối và phân bổ nguồn vốn huy động từ đợt chào bán này để bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh tùy theo nhu cầu vốn thực tế của Công ty (*bao gồm cơ cấu một số khoản nợ vay đến hạn, thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn,... và các mục đích sử dụng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty*).

Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành này.

### 2. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Trong trường hợp Công ty không phân phối hết số lượng cổ phiếu theo dự kiến và không thu đủ số vốn huy động như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và/hoặc bổ sung nguồn vốn cần sử dụng thông qua các hình thức huy động vốn khác (*nếu có*) phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo kế hoạch phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

## C. ỦY QUYỀN

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, bao gồm:

- Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy

định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

- Chủ động xây dựng, giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền điều chỉnh, sửa đổi các nội dung phương án phát hành này khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty (nếu có).
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định.
- Quyết định xử lý đối với cổ phiếu lẻ, chưa phân phối hết.
- Quyết định cân đối và phân bổ nguồn vốn huy động từ đợt chào bán này để bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh tùy theo nhu cầu vốn thực tế của Công ty (bao gồm cơ cấu một số khoản nợ vay đến hạn, thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn,... và các mục đích sử dụng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty).
- Phê chuẩn các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.
- Hoàn tất các thủ tục theo quy định để tăng vốn điều lệ của Công ty; thực hiện việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu; thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện các công việc cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại SGDCK Hà Nội đối với số cổ phần phát hành thêm.
- Tất cả các vấn đề khác liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*Nguyễn Chí Thảo*

## NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/DHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 68/BB.HĐQT.2024 ngày 09/07/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024**

Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/DHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024 như sau:

|                            |                                               |
|----------------------------|-----------------------------------------------|
| 1. Tên cổ phiếu phát hành: | Cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |
| 2. Mã chứng khoán:         | CCA                                           |
| 3. Loại cổ phiếu:          | Cổ phiếu phổ thông                            |
| 4. Mệnh giá cổ phiếu:      | 10.000 đồng/cổ phiếu                          |

|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>5. Vốn điều lệ hiện nay:</b>                                                              | 150.923.260.000 đồng                                                                                                                                                                                                             |
| <b>6. SLCP đang lưu hành:</b>                                                                | 15.092.326 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                              |
| <b>7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:</b>                                               | 3.018.464 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                               |
| - SLCP phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:                                | 1.509.232 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                               |
| - SLCP chào bán cho cổ đông hiện hữu:                                                        | 1.509.232 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                               |
| <b>8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:</b>                                              | 30.184.640.000 đồng                                                                                                                                                                                                              |
| - Giá trị phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:                             | 15.092.320.000 đồng                                                                                                                                                                                                              |
| - Giá trị chào bán cho cổ đông hiện hữu:                                                     | 15.092.320.000 đồng                                                                                                                                                                                                              |
| <b>9. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành:</b>                                                 | 181.107.900.000 đồng                                                                                                                                                                                                             |
| <b>10. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:</b>                                          | 18.110.790 cổ phiếu                                                                                                                                                                                                              |
| <b>11. Tỷ lệ phát hành (SLCP dự kiến phát hành /SLCP đang lưu hành):</b>                     | 20%                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>12. Đối tượng phát hành:</b>                                                              | Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. |
| <b>13. Hình thức phát hành:</b>                                                              | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua).                                                     |
| <b>14. Nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:</b> | Nguồn thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của Công ty.                                                                                                         |
| <b>15. Giá chào bán dự kiến (đối với chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu):</b>            | 10.000 đồng/cổ phiếu                                                                                                                                                                                                             |

## **16. Tỷ lệ thực hiện quyền:**

### **a. Đối với phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:**

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (tương đương 10%)

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Với tỷ lệ 10:1 (tương đương 10%), cổ đông A nhận được 10,1 cổ phiếu phát hành thêm ( $101 \times 10\%$ ). Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ nêu trên, cổ đông A nhận được 10 cổ phiếu phát hành thêm, số cổ phiếu lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.*

Quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.

### **b. Đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua:**

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (tương đương 10%)

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

*Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành tính theo tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương đương 10%) là 10,1 ( $101 \times 10\%$ ). Như vậy, cổ đông A sẽ được mua thêm 10 cổ phiếu mới, số lẻ 0,1 cổ phiếu sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.*

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành của mình cho người khác theo giá thỏa thuận của hai Bên. Quyền mua chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba).

## **17. Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết (đối với SLCP dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu):**

### **a. Số cổ phiếu lẻ, chưa phân phối hết, gồm các trường hợp sau đây:**

- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có);
- Số cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua và không được đăng ký mua hết.

(Sau đây gọi tắt là “Số Cổ Phiếu Còn Lại”)

**b. Phương thức xử lý:**

Đối với Sổ Cổ Phiếu Còn Lại, tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán, Hội đồng quản trị Công ty được quyền: (i) Quyết định kết thúc đợt phát hành và báo cáo kết quả phát hành trước khi hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật; hoặc (ii) Quyết định lựa chọn nhà đầu tư (bao gồm cổ đông của Công ty và/hoặc nhà đầu tư khác có nhu cầu quan tâm mua cổ phiếu phát hành của Công ty, sau đây gọi tắt “Nhà Đầu Tư”), số lượng Nhà Đầu Tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng Nhà Đầu Tư với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở các tiêu chí như sau:

- Là tổ chức, cá nhân trong nước có tiềm lực về tài chính và có nhu cầu đầu tư mua cổ phiếu phát hành của Công ty;
- Việc phân phối Sổ Cổ Phiếu Còn Lại đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- Có tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn – nếu có), mà cổ phiếu vẫn chưa phân phối hết thì số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sẽ được hủy và kết thúc đợt phát hành.

**18. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần:**

**a. Đối với SLCP phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

**b. Đối với SLCP phát hành để chào bán cho cổ đông hiện hữu**

Cổ phiếu phát hành để chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Trường hợp Công ty thực hiện phân phối Sổ Cổ Phiếu Còn Lại nêu trên cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

**19. Thời gian thực hiện:**

Dự kiến từ Quý 2/2024 đến Quý 1/2025, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký phát hành và được UBCKNN cấp Giấy phép / chấp thuận phát hành theo quy định pháp luật.

**Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu**

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu (dự kiến 15.092.320.000 đồng) sẽ được Công ty sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

| Sst | Mục đích sử dụng vốn                                                                                     | Số tiền dự kiến<br>(đồng) | Thời gian<br>thanh toán         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------|
| 1   | Trả nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long | 15.092.320.000            | Dự kiến Quý 4/2024 – Quý 2/2025 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                                         | <b>15.092.320.000</b>     |                                 |

**Điều 3: Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành trong thời gian theo quy định.

**Điều 4: Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Theo Công văn số 3613/UBCK-PTTT ngày 07/06/2024 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được xác định là 0% vốn điều lệ.

Tính đến ngày 22/04/2024 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất), tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,39%. Trong đợt phát hành và chào bán cổ phiếu này, cổ phiếu sẽ được phát hành/chào bán cho các nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, do đó sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.

Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu, căn cứ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu của đợt chào bán, Công ty sẽ phối hợp với VSDC kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu cho nhà đầu tư nước ngoài để bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán, cụ thể, cổ đông nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài khác sẽ không được quyền nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của Công ty.

Trong trường hợp xử lý đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu không được chào bán hết, HĐQT sẽ quyết định việc bán số cổ phiếu này cho các đối tượng khác là các cổ đông, nhà đầu tư trong nước.

HĐQT Công ty cam kết thực hiện các phương án đảm bảo nêu trên và các phương án cần thiết khác để đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng đúng quy định về sở hữu nước ngoài tại Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

## Điều 5: Nội dung ủy quyền

Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định các công việc và ký các văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Quyết định cụ thể thời gian thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu;
- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu chào bán và phát hành theo các phương án đã được thông qua;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty tăng vốn điều lệ và làm thủ tục tăng vốn điều lệ theo kết quả chào bán, phát hành từng đợt tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết cũng như ký các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất phát hành cổ phiếu, đăng ký cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công của Công ty.

## Điều 6: Tổ chức thực hiện

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Công ty.



Nguyễn Chí Thảo

Số: 08/NQ-HĐQT.2025

Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v điều chỉnh thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25/05/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HĐQT.2024 ngày 09/07/2024 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/BB.HĐQT.2025 ngày 18/02/2025 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Thông qua việc điều chỉnh thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

- Thông qua việc điều chỉnh thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HĐQT.2024 ngày 09/07/2024 như sau:



| Stt | Khoản mục điều chỉnh                                                                                                                                                                                                   | Nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HDQT.2024 ngày 09/07/2024                                                                                                       | Nội dung điều chỉnh                                                                                                                                                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Thời gian dự kiến phát hành</b><br><i>(tại Mục 19 Điều 1 của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HDQT.2024 ngày 09/07/2024)</i>                                                                                   | <b>Thời gian thực hiện:</b><br>Dự kiến từ Quý 2/2024 đến Quý 1/2025, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký phát hành và được UBCKNN cấp Giấy phép / chấp thuận phát hành theo quy định pháp luật. | <b>Thời gian thực hiện:</b><br>Dự kiến trong năm 2025, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký phát hành và được UBCKNN cấp Giấy phép / chấp thuận phát hành theo quy định pháp luật. |
| 2   | <b>Thời gian dự kiến sử dụng vốn (trả nợ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đồng bằng Sông Cửu Long)</b><br><i>(tại Điều 2 của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HDQT.2024 ngày 09/07/2024)</i> | <b>Thời gian thanh toán:</b><br>Dự kiến Quý 4/2024 – Quý 2/2025                                                                                                                                      | <b>Thời gian thanh toán:</b><br>Dự kiến trong năm 2025                                                                                                                                 |



- Ngoại trừ các nội dung điều chỉnh được thông qua tại Nghị quyết này (thay thế cho nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HDQT.2024 ngày 09/07/2024), các nội dung khác đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 69/NQ-HDQT.2024 ngày 09/07/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng vẫn có hiệu lực và được giữ nguyên không thay đổi.

## Điều 2: Tổ chức thực hiện

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu Công ty.



**Nguyễn Chí Thảo**